

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Quy
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Quy
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Quy

Mã SV: 1312401051

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Văn Hồng Ngọc

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức thanh toán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thanh Mai

Văn Hồng Ngọc

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khoá luận tốt nghiệp.
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện đề tài.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Tác giả đã hệ thống hoá được lý luận cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp đề xuất gắn với thực tiễn, giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị .

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	4
1.1.2.1 Doanh thu	4
1.1.2.2 Chi phí	6
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	8
1.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp	10
1.1.3.1 Các phương thức bán hàng	10
1.1.3.2 Các phương thức thanh toán	11
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	11
1.2 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	12
1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	12
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12
1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC.....	14
1.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	16
1.2.1.4 Kế toán thu nhập khác	18
1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	19
1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	19
1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	25
1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	27
1.2.2.4 Kế toán chi phí khác	28
1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
1.3 CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP	32
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	32
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	33
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	34
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	35

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D.....	37
2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D.....	37
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	37
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	38
2.1.2.1 Thuận lợi:	38
2.1.2.2 Khó khăn:.....	38
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D.....	39
2.1.3.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	39
2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong công ty.....	39
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Thương Mại và DV 3D	40
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán	40
2.1.4.2 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D áp dụng.....	41
2.1.4.3 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.	41
2.1.4.4 Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán.....	41
2.1.4.5 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	41
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TM VÀ DV 3D.	42
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	42
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP thương mại và dịch vụ 3D	50
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	59
2.2.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh trong công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	59
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	66
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	73
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	80
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D.....	91
3.1 Những đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	91
3.1.1 Những ưu điểm.....	91

3.1.1.1 Về tổ chức quản lý kinh doanh.....	91
3.1.1.2 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	92
3.1.1.2.1 Về công tác kế toán doanh thu	92
3.1.1.2.2 Về công tác kế toán chi phí	93
3.1.1.2.3 Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	93
3.1.2 Những hạn chế.....	93
3.1.2.1 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.....	93
3.1.2.2 Về công tác quản lý chi phí kinh doanh	93
3.1.2.3 Về việc hạch toán doanh thu.....	94
3.1.2.4 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán	94
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	94
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	94
3.2.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D	94
3.2.2.1 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.....	94
3.1.2.2 Về công tác quản lý chi phí quản lý kinh doanh	95
3.2.3.3 Về việc hạch toán chi tiết doanh thu.....	95
3.2.3.4 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán	98
KẾT LUẬN	100

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về một khoản tiền, khoản tiền này gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn đạt được lợi nhuận tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Do đó, việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em quyết định chọn đề tài khóa luận: “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D*”.

2. Mục đích nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác gì so với những kiến thức đã học được ở trường đại học hay không. Qua đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, để từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D.

3. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D.

Lấy số liệu của năm 2016 để minh họa.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập những chứng từ nghiệp vụ phát sinh thực tế tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D.
- Tham khảo ý kiến của các chị trong phòng kế toán công ty.
- Ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- Tham khảo sách báo và một số tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Thu nhập số liệu từ các chứng từ gốc có liên quan đến đề tài nghiên cứu từ đó tổng hợp vào sổ sách các tài khoản có liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh.
- Đồng thời em cũng tham khảo một số văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành.

5. Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng Kế toán công ty cổ phần thương mại và dịch vụ 3D đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Sinh viên

Hoàng Thị Quy

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

•**Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

•**Đối với nhà đầu tư:** Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

•**Đối với tổ chức trung gian tài chính:** Đối với các Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính để đưa ra các quyết định có nên cho doanh nghiệp đó vay hay không.

• **Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, các nhà hoạch định chính sách Quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

• *Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:*

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

• *Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:*

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- *Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:*
 - ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

• **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

• **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

+ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:* là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

Các loại chi phí:

a) **Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:** bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa.

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

b) Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

c) Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

d) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động

khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: **Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu** (*chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*).

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:

- **Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN**
- **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận hoạt động SXKD + Lợi nhuận hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác**
- **Lợi nhuận HĐ SXKD = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu - Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh**
- **Lợi nhuận hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính**
- **Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác**

1.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp

1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

▪ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Bán buôn: Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn xuất bán thẳng.

Bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

Bán buôn hàng hóa vận chuyên thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

Bán lẻ: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

▪ **Phương thức chuyển hàng chờ nhận:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

▪ **Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

▪ **Phương thức trả góp, trả chậm:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

▪ **Phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của

mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

▪ **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

1.1.3.2 Các phương thức thanh toán

Việc thanh toán với người mua về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra được thực hiện bằng:

- Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Phương thức trả chậm, trả góp.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.
- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp.
- Thận trọng: Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT), hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Các TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

❖ Kết cấu của tài khoản 511:

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911" Xác định kết quả kinh doanh". 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

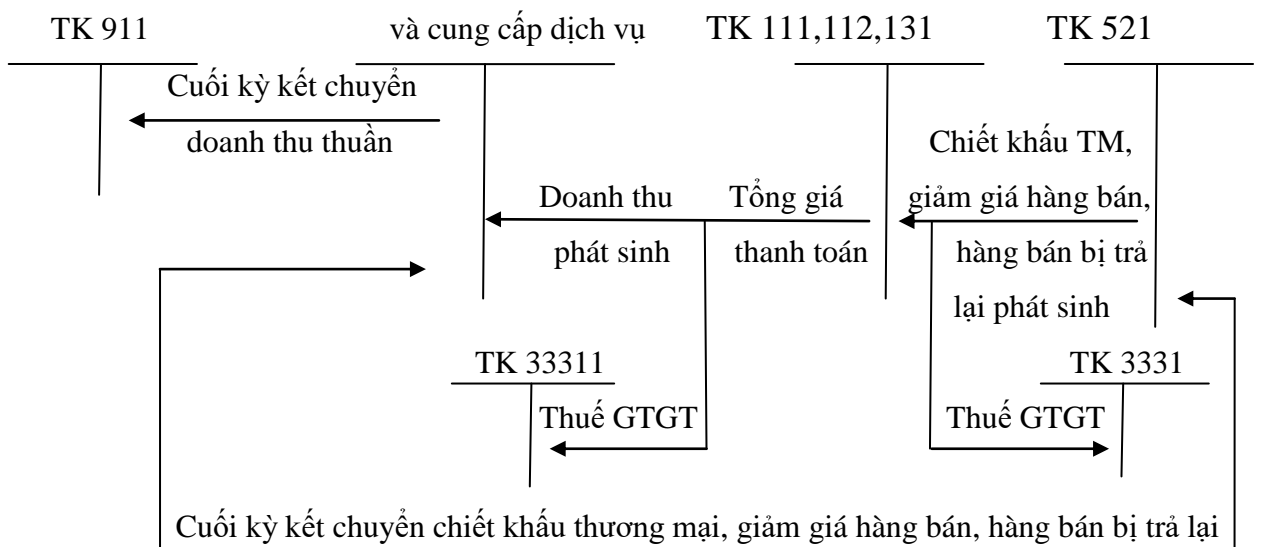
Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.1:

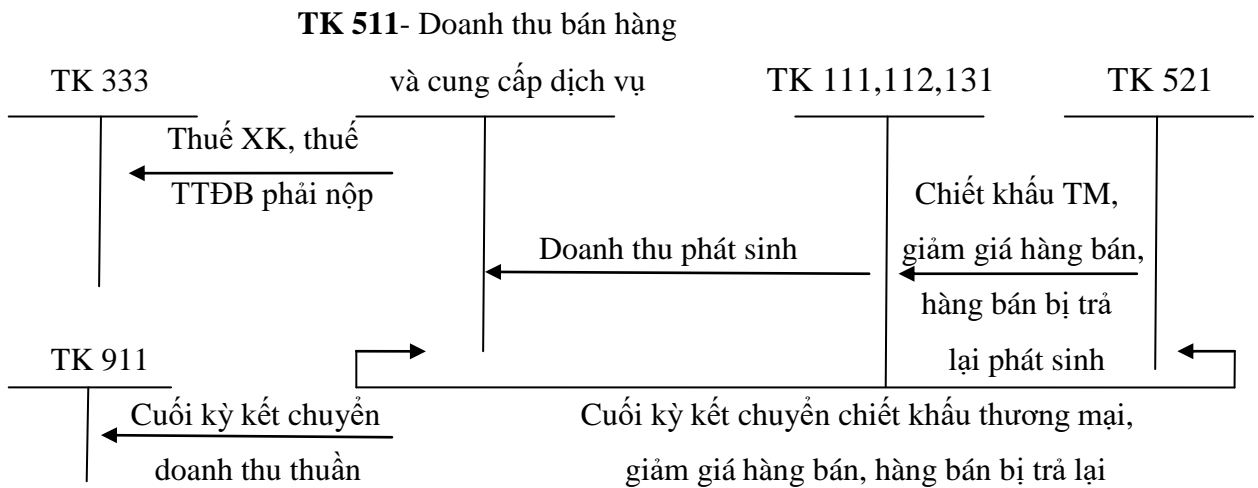
KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
 (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

TK 511- Doanh thu bán hàng



Sơ đồ 1.2:

**KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Các TK cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

✓ **Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng

hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

✓ **Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

✓ **Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

❖ **Kết cấu của tài khoản 521:**

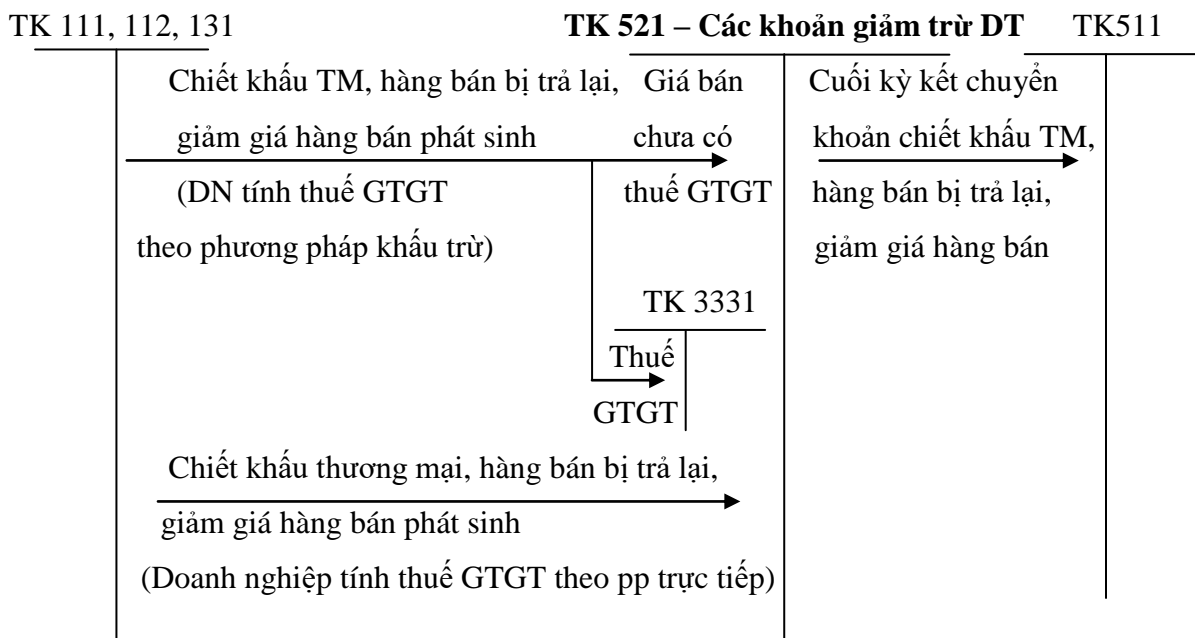
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

TK 521 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.3:

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU



1.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản**

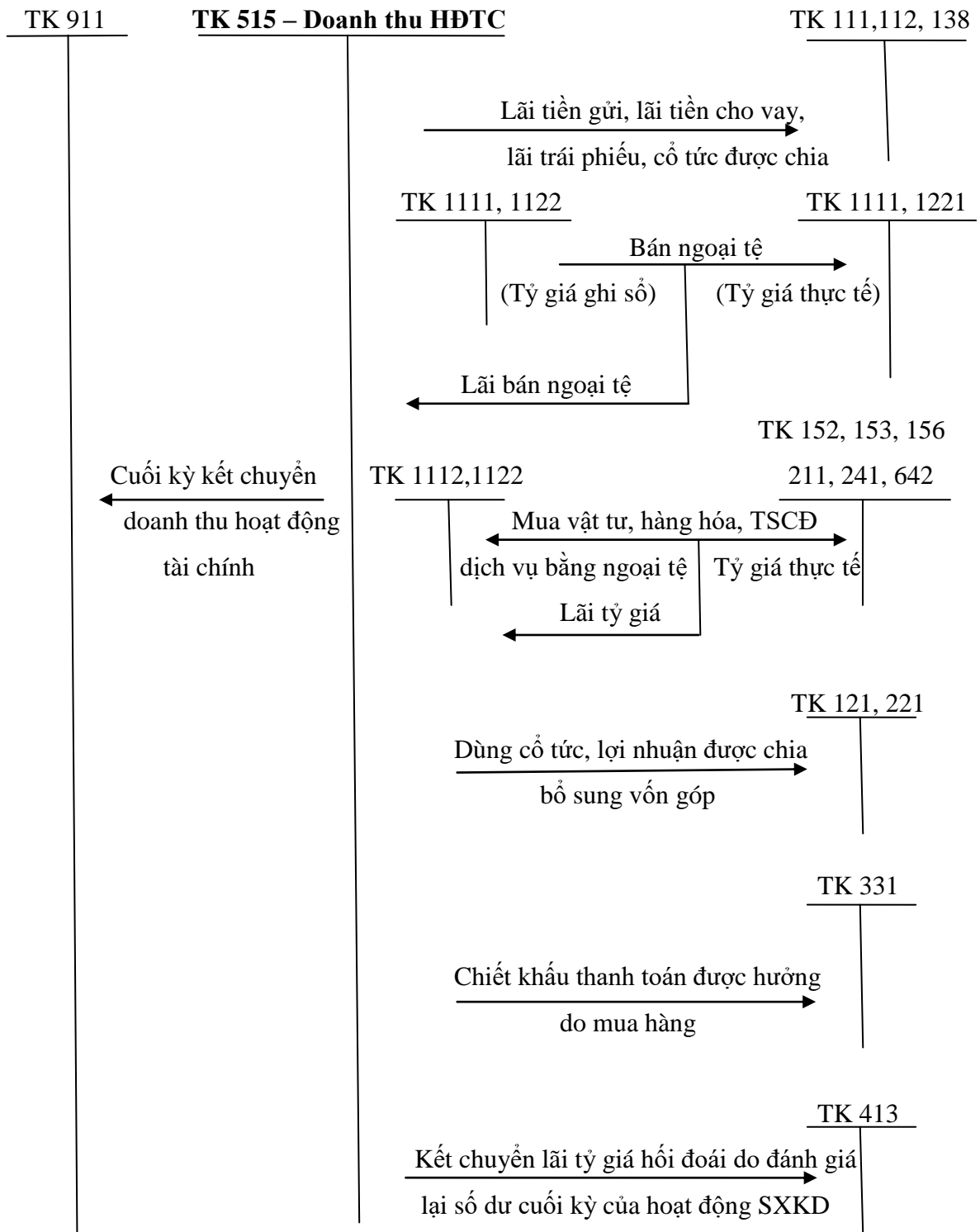
Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.4:

KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.2.1.4 Kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Các giấy tờ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 711 – Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

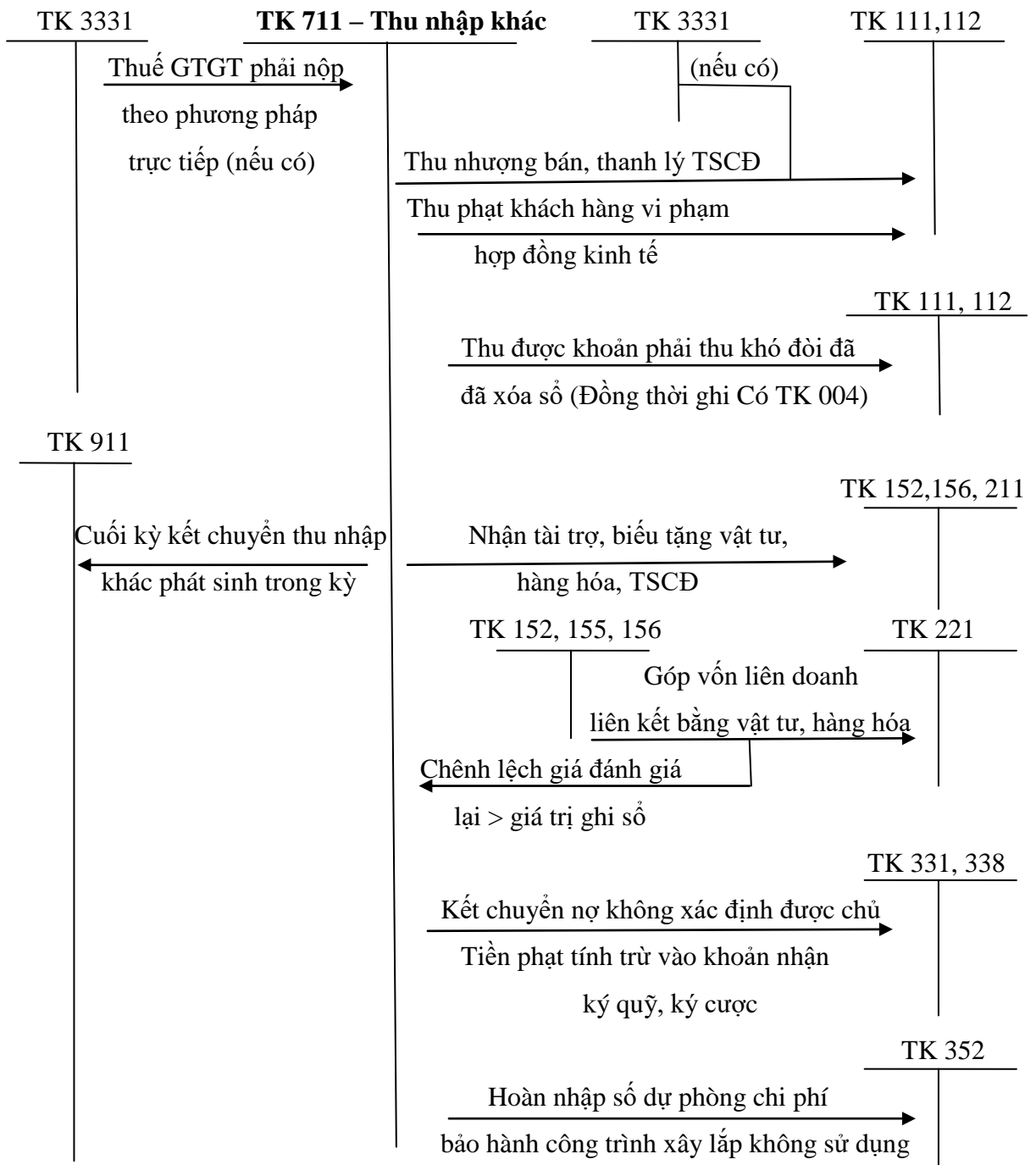
Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.5:

KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



1.2.2 Kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán

số 02 – “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

✓ **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

• **Kết cấu tài khoản 632:**

➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

➤ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch khách sạn, ... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

❖ **Kết cấu tài khoản 631:**

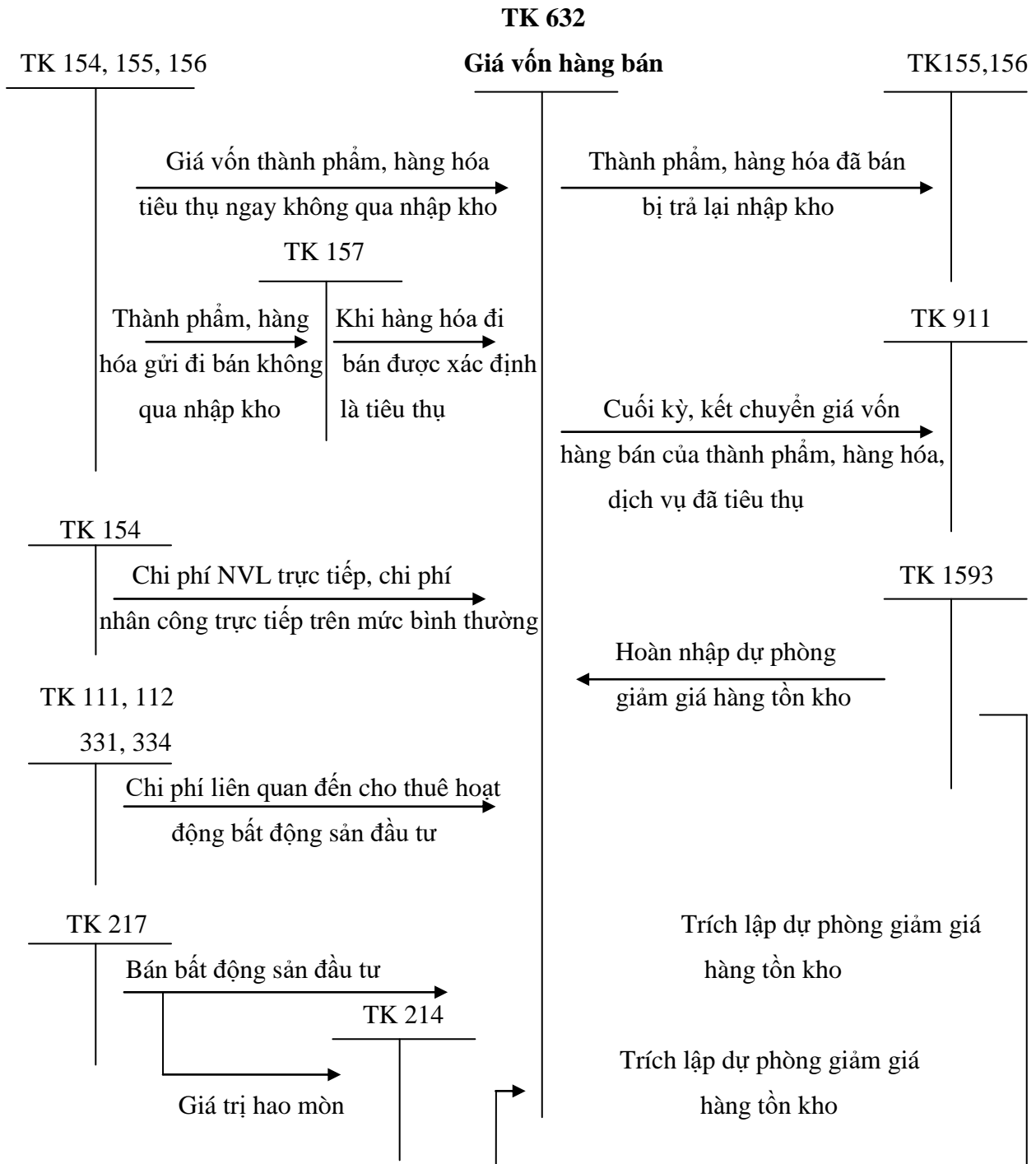
TK 631	
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sản xuất kinh doanh đầu kỳ. - Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán” - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
Σ Phát sinh Nợ	Σ Phát sinh Có

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán

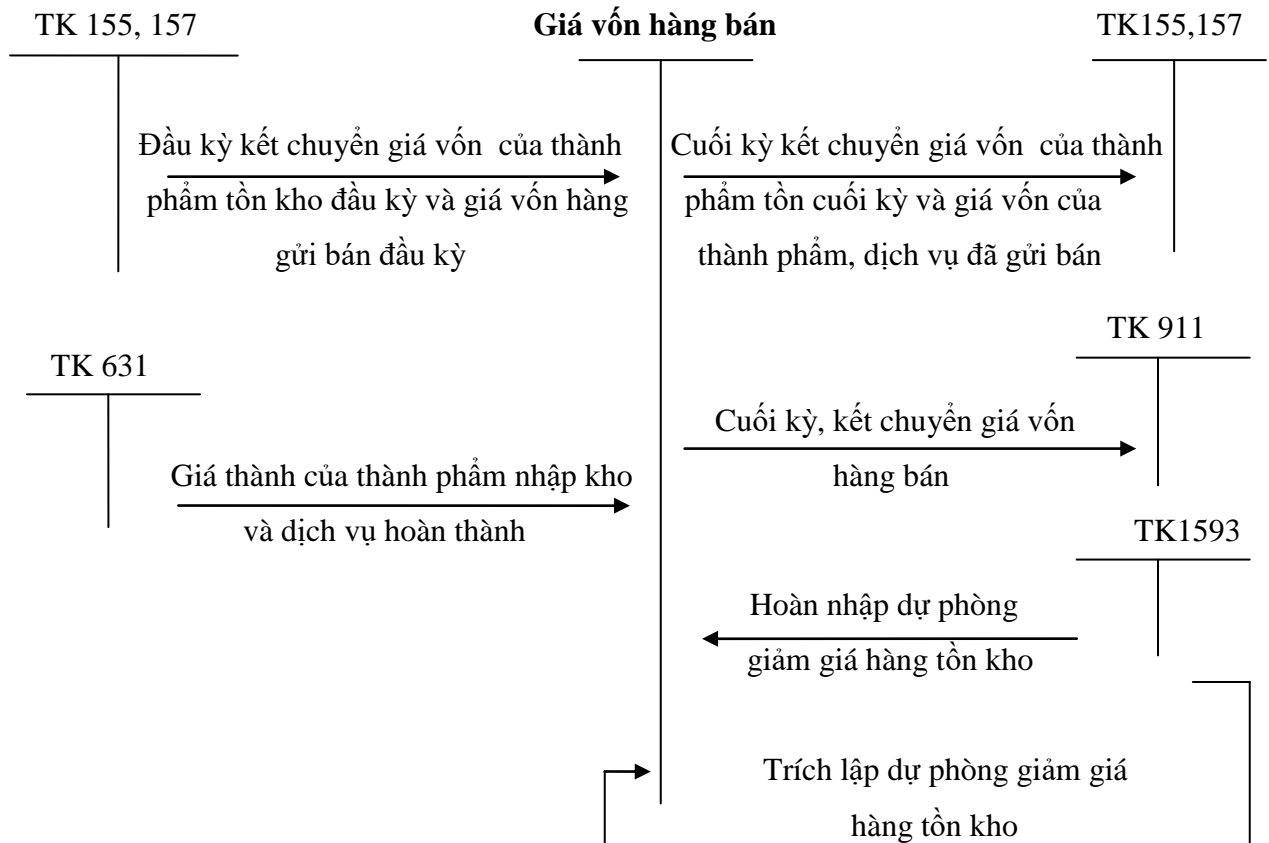
Sơ đồ 1.6:

KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



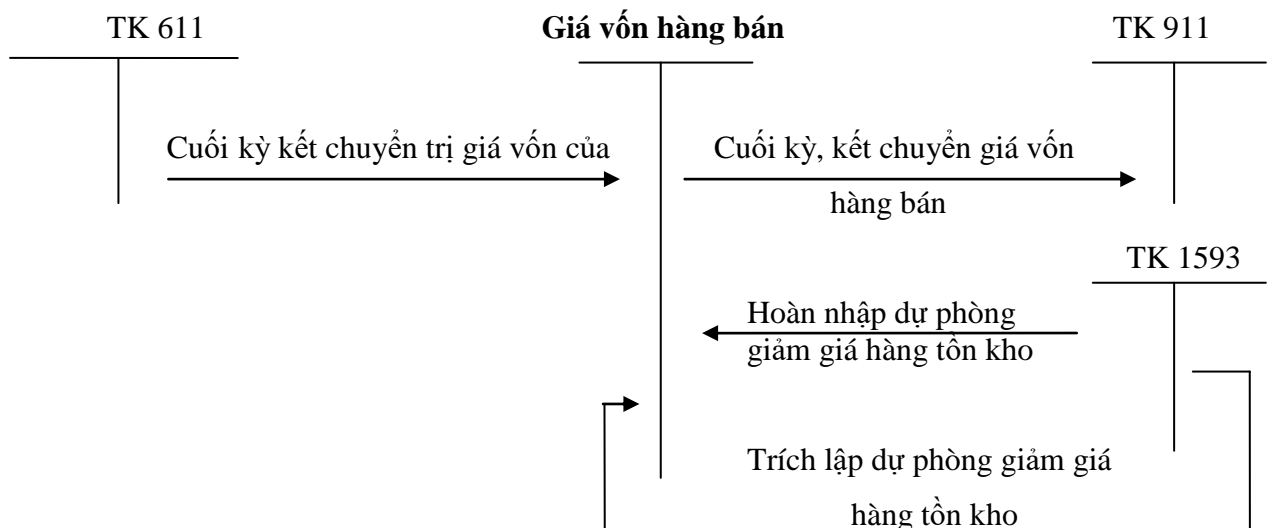
Sơ đồ 1.7:

**KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ
TK 632**



Sơ đồ 1.8:

**KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI
TK 632**



1.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ **Kết cấu của tài khoản 635:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

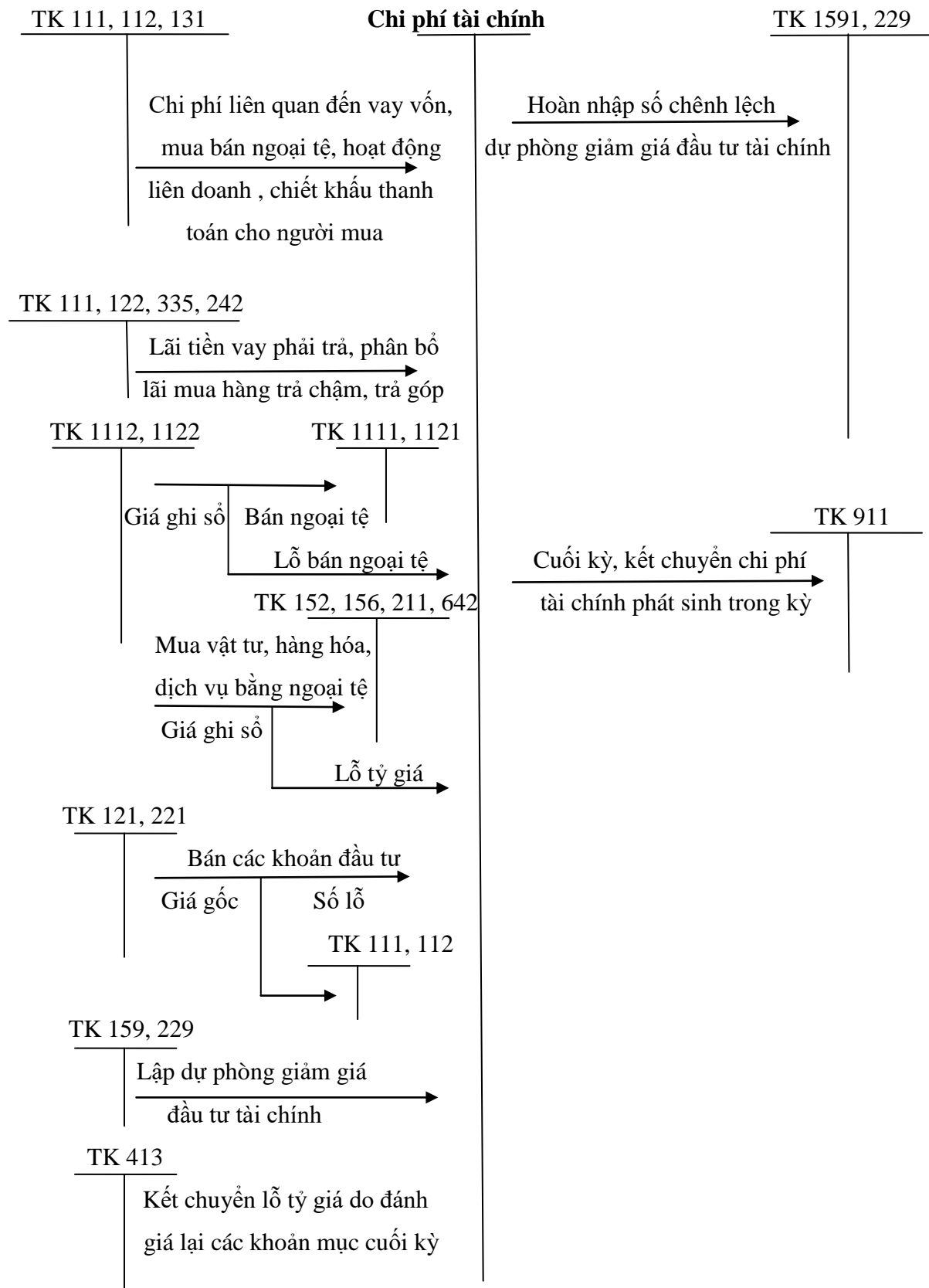
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9:

KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

TK 635



1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Kết cấu của tài khoản 642:**

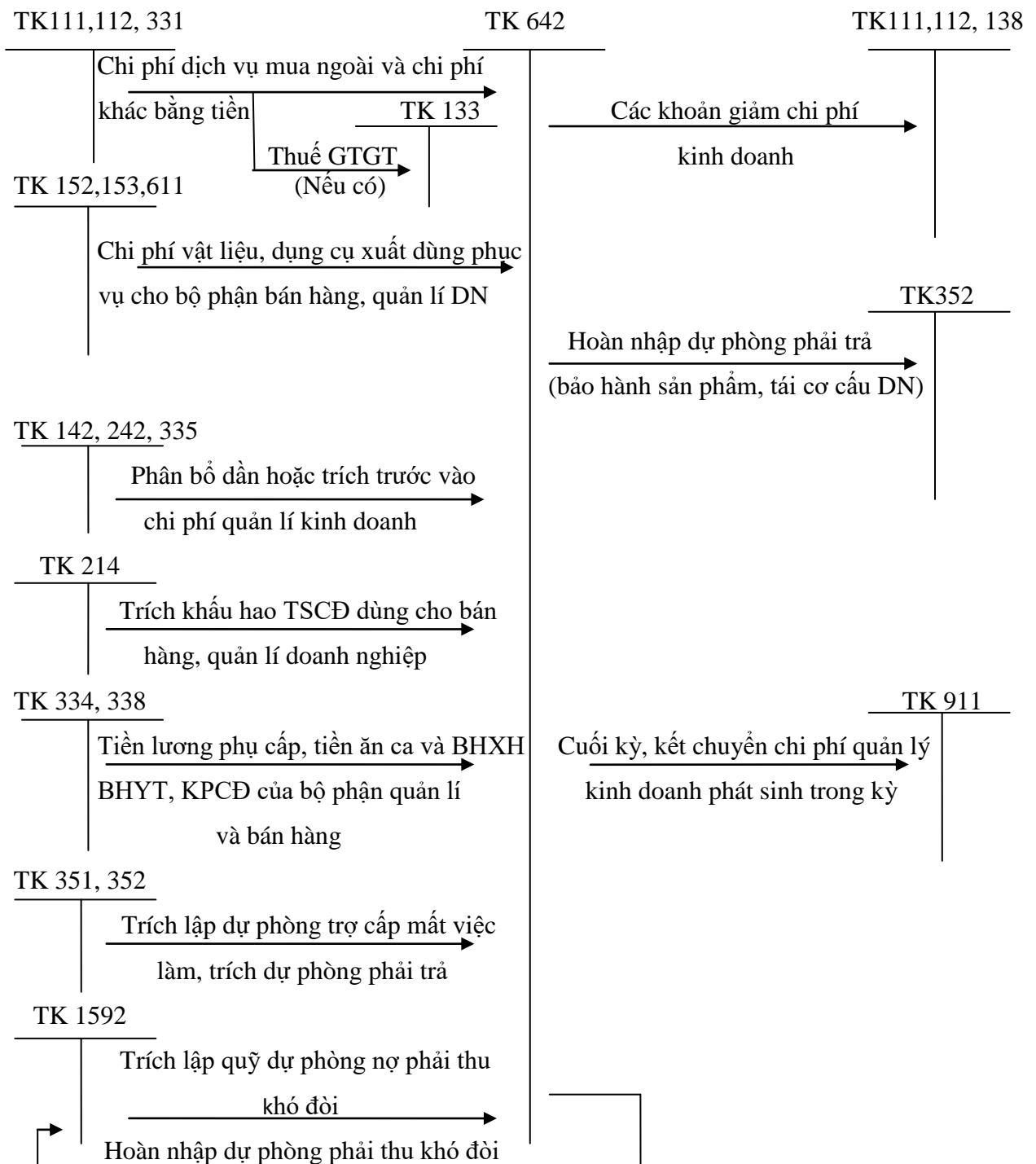
Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.10:

KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH



1.2.2.4 Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản 811:**

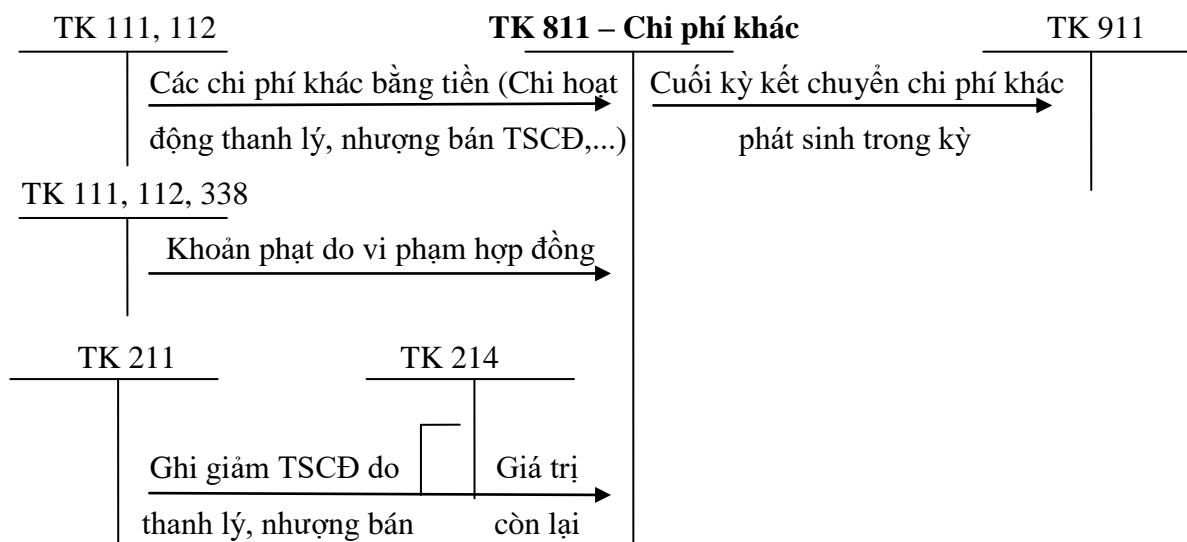
Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.11:

KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC



1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

➤ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

❖ **Kết cấu của tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Kết cấu của tài khoản 821:**

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập

doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

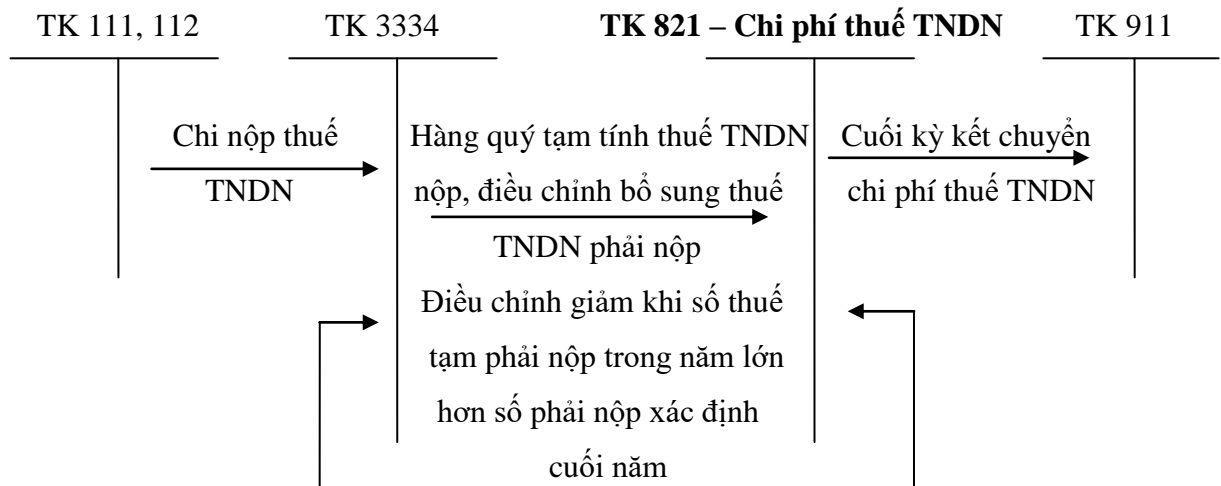
❖ **Kết cấu của tài khoản 421:**

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12:

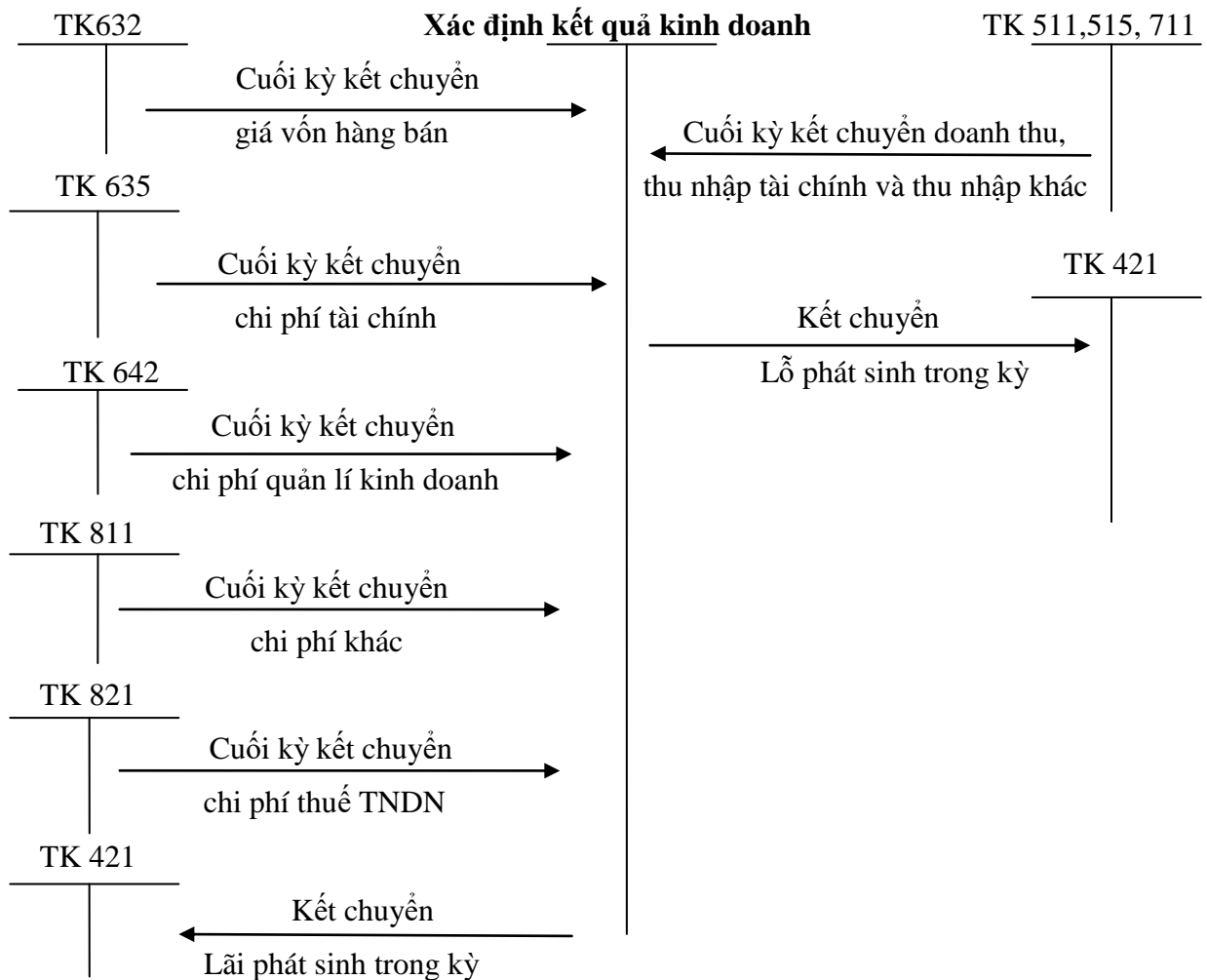
CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



Sơ đồ 1.13:

KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TK 911



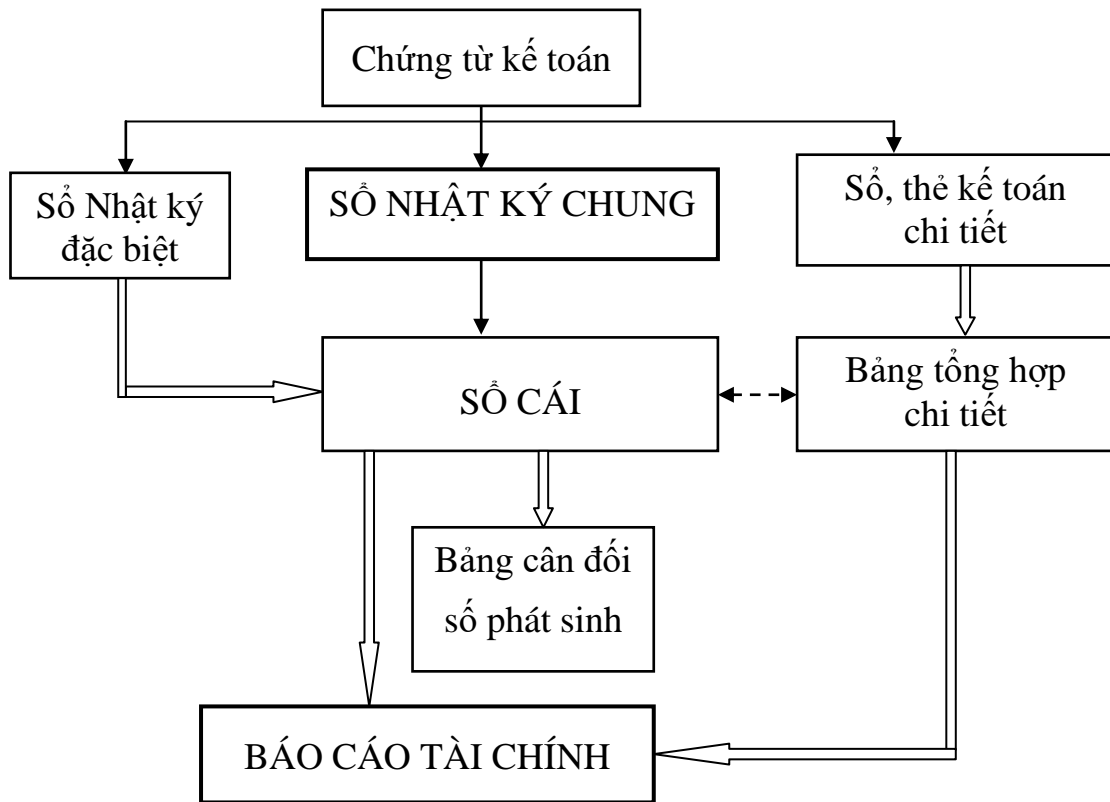
1.3 CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇨
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

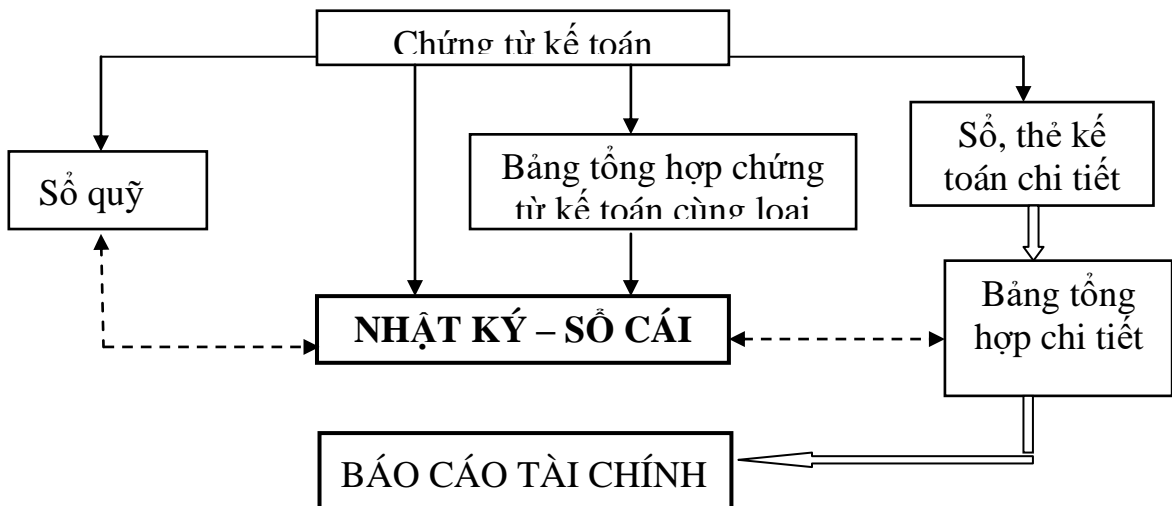
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ **Đặc điểm:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.15 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

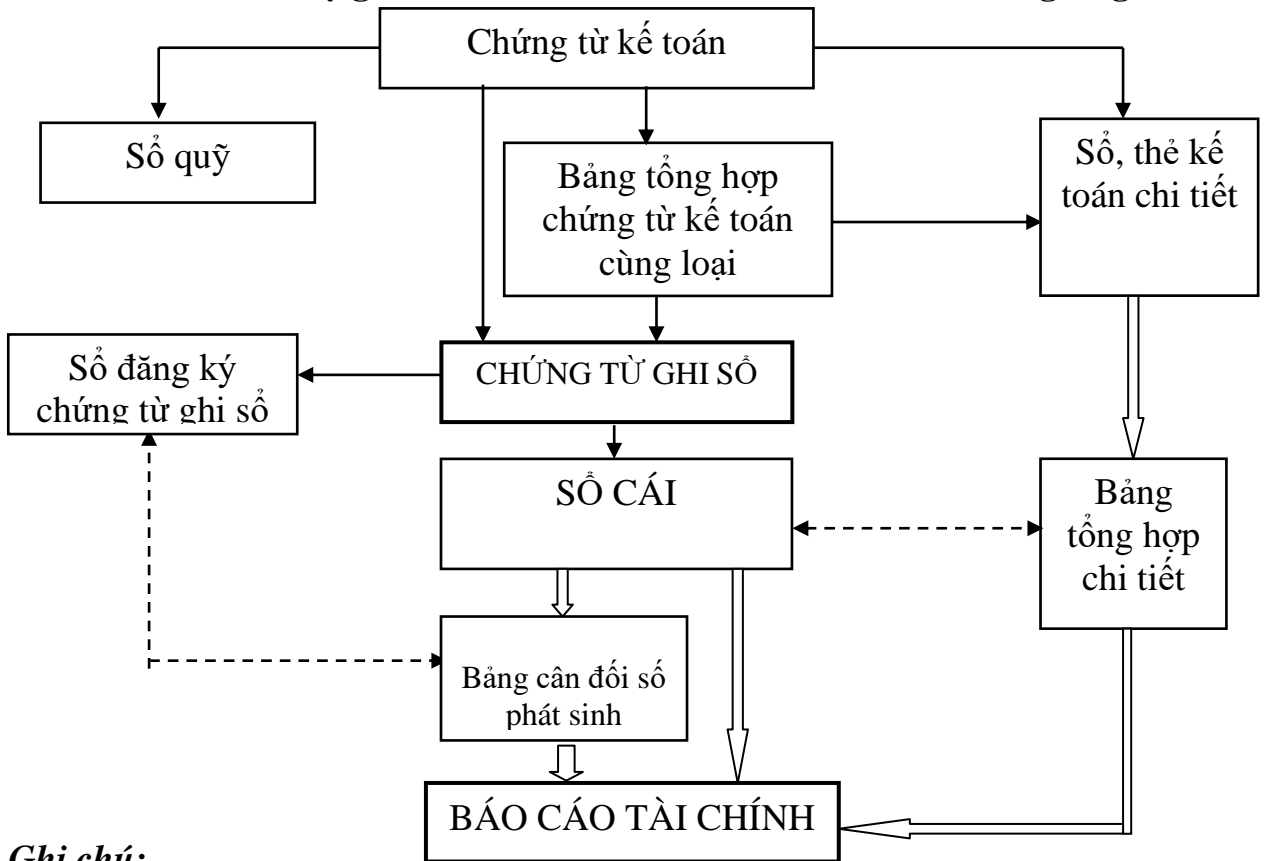
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.16 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

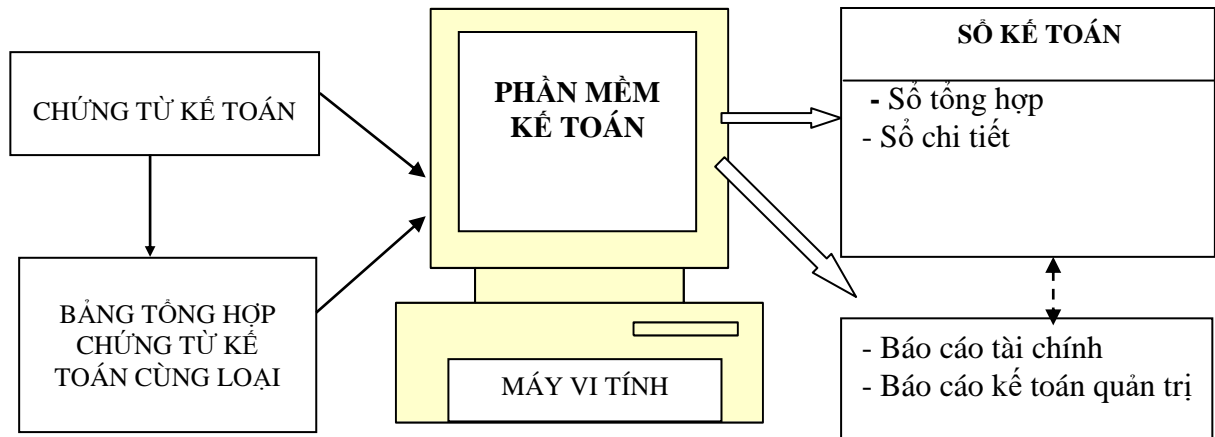
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.17 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D được thành lập năm 2010, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201067942 do Sở kế hoạch Và Đầu tư thành phố hải Phòng cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2010.

Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D
Tên nước ngoài	: 3D SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: 3D SERTRACO.
Địa chỉ	: Số 18, khu dân cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng
Mã số thuế	: 0201067942
Số điện thoại	: 0313. 615 586
Fax	: 0313. 615585
Tài khoản ngân hàng	: 99998879 tại ACB Thái Phiên – HP , 14022805849017 tại Techcombank Văn Cao - HP
Vốn điều lệ	: 5,000,000,000đ
Người đại diện pháp lý	: Hoàng Minh Đức
Loại hình doanh nghiệp	: Công ty Cổ Phần
Quy mô	: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ngành nghề kinh doanh :

- Vận tải hàng hàng hóa và dịch vụ vận tải hàng không
- Chuyển phát nhanh trong nước – quốc tế
- Kinh doanh vật liệu xây dựng – điện nước các loại
- Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp

Sau nhiều năm thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2010 đến nay, Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D liên tục mở rộng và phát triển. Công ty 3D hoạt động hết sức hiệu quả, đã cung cấp rất nhiều sản phẩm cho nhiều đơn vị trực thuộc ngành hàng không, vận tải đường bộ các tỉnh phía Bắc. Với phương châm "Chính xác đến từng chi tiết" công ty hoạt động từng khâu trong kinh doanh từ tư vấn, bán hàng, vận chuyển, hậu mãi, sau bán hàng, tất cả đều rõ ràng, nhanh chóng, chuẩn xác, chuyên nghiệp và điều quan trọng nhất đó là giữ chữ tín làm đầu.

Với doanh thu mỗi năm hàng tỷ đồng, trong nhiều năm hoạt động Công ty 3D đã hoàn toàn tuân thủ và đóng góp cho ngân quỹ Nhà nước đầy đủ theo trách nhiệm của một doanh nghiệp kinh doanh.

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

2.1.2.1 Thuận lợi:

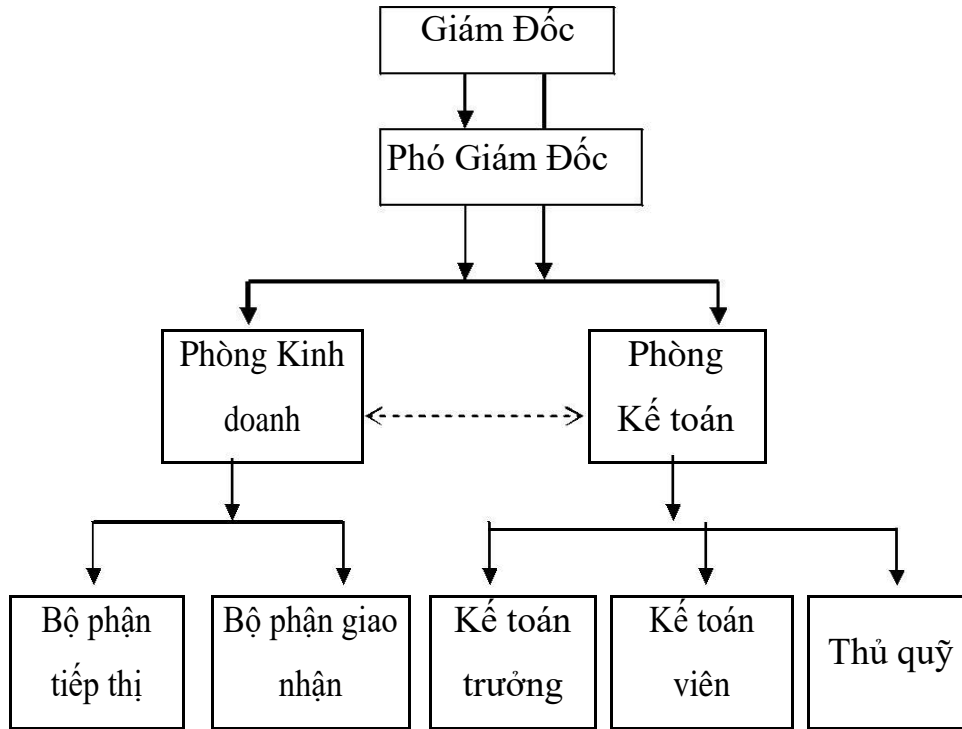
- Công ty có đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, có tinh thần đoàn kết, tích cực học tập, sáng tạo và có ý thức xây dựng phát triển công ty.
- Công ty đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn kinh doanh. Doanh nghiệp luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của Nhà nước cũng như đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên.

2.1.2.2 Khó khăn:

- Bên cạnh những thuận lợi, công ty cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động, giá xăng dầu tăng cao đã ảnh hưởng tăng giá cước phí vận chuyển tác động đến hoạt động của doanh nghiệp. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức đối với doanh nghiệp. Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Do đó, đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi doanh nghiệp cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lí tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

2.1.3.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lí



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Ghi chú:

——> Quan hệ trực tuyến

- - - > Quan hệ chức năng

2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong công ty

- *Giám đốc:* Chịu trách nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

- *Phó Giám đốc:* Là người được giám đốc ủy quyền giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp lãnh đạo các phòng ban, quan hệ đối tác với khách hàng, thực hiện các hoạt động kinh tế xuất nhập khẩu.

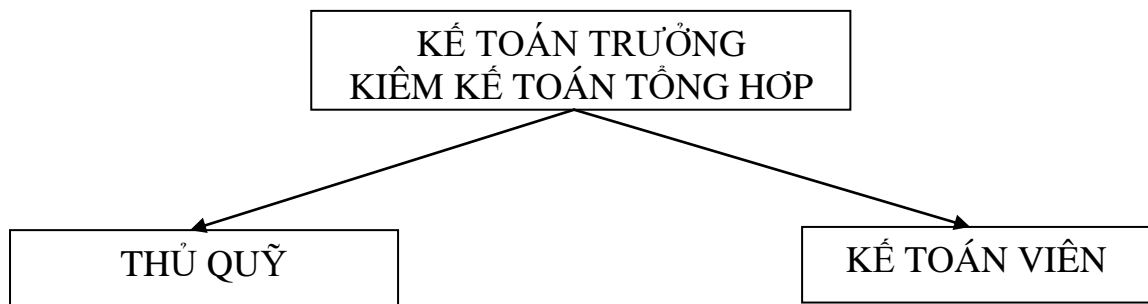
- *Phòng kinh doanh:* Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách kinh doanh, quan hệ đối tác với khách hàng. Dự báo các vấn đề về hàng hóa dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả, và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

- **Bộ phận kế toán:** Tổ chức công tác hạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh của công ty và tham mưu cho giám đốc, trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính - kế toán.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Thương Mại và DV 3D

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Nhiệm vụ của phòng kế toán là phòng tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính, tổ chức hạch toán theo quy định Nhà nước về toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh, thu thập xử lý các thông tin kế toán ban đầu, thực hiện chế độ hạch toán và quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty Cổ Phần TM và DV 3D

➤ Chức năng nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ giúp Giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành, tổ chức và chỉ đạo công tác kế toán toàn công ty, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm các kết quả kế toán của công ty, lập báo cáo với cơ quan Thuế.

- **Kế toán viên:** Có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của của văn phòng công ty. Theo dõi công nợ, đối chiếu thanh toán nội bộ, theo dõi quản lý TSCĐ của công ty, tính toán và phân bổ chính xác giá trị hao mòn của TSCĐ vào chi phí của từng đối tượng sử dụng. Hàng tháng, lập báo cáo kế toán của bộ phận văn phòng và cuối quý phải tổng hợp số liệu để lập Báo cáo chung cho toàn công ty.

- **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ chi tiền mặt khi có quyết định của lãnh đạo và thu tiền vốn vay của các đơn vị, theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác

tình hình tăng, giảm và số tiền còn tồn tại quỹ. Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho kế toán trưởng để làm cơ sở cho việc kiểm soát, điều chỉnh vốn bằng tiền, từ đó đưa ra quyết định thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của công ty.

2.1.4.2 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch 3D áp dụng

- * Niên độ kế toán được tính từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- * Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam.
- * Hình thức sổ kế toán áp dụng : **Nhật ký chung**
- * Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- * Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- * Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- * Kỳ lập báo cáo theo quý, năm.

2.1.4.3 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hoá đơn bán hàng, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

2.1.4.4 Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành *tại quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*. Để thuận tiện cho việc quản lý và kiểm tra Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ 3D mở thêm các cấp tài khoản chi tiết hoặc đặt mã số cho các đối tượng.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

❖ Công ty áp dụng hình thức sổ "**Nhật ký chung**", rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Hình thức ghi sổ: *kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.*

❖ Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC .

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TM VÀ DV 3D.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ *Nội dung của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ 3D*

Doanh thu của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ 3D là doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa và dịch vụ vận tải hàng không, chuyển phát nhanh trong nước – quốc tế, kinh doanh vật liệu xây dựng – điện nước các loại, nhận thi công công trình dân dụng và công nghiệp.

Doanh nghiệp có hoạt động thương mại nhưng doanh thu chủ yếu là thu từ dịch vụ vận tải.

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sổ sách sử dụng*

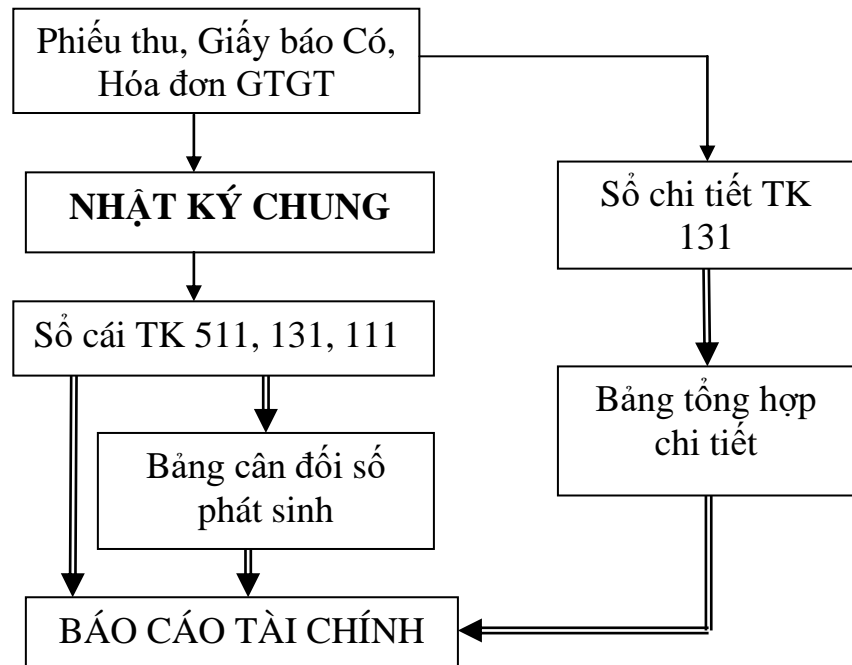
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511, 111, 112, 131,...
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết đối tượng thanh toán

❖ *Tài khoản sử dụng*

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 3331: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- ❖ **Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D**

Sơ đồ 2.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ

❖ **Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

VÍ DỤ 2.1: Ngày 17/12/2016 Công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D hạch toán doanh thu vận chuyển hàng hóa tháng 12/2016 cho công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu S.A.P.B.A.B.I, số tiền là: 19.910.000 VNĐ (giá bao gồm cả thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000352 (biểu số 2.1) kèm theo bảng kê chi tiết số 352 (biểu số 2.2), phiếu thu số 335 (biểu số 2.3) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111 : 19.910.000

Có TK 511 : 18.100.000

Có TK 3331 : 1.810.000

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.5), Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 333.

Từ Sổ cái các TK sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000352

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001																																				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/16P																																				
Liên 3: Nội bộ	Số: 0000352																																				
<i>Ngày 17 tháng 12 năm 2016</i>																																					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D																																					
Mã số Thuế	: 0201067942																																				
Địa chỉ	: Số 18 Khu dân cư Cát Bi, P. Tràng Cát, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, VN																																				
Số tài khoản:	99998879 tại ACB Thái Phiên – HP*14022805849017 tại Techcombank Văn Cao – HP																																				
Điện thoại	: 031.3 615 586 – Fax: 031.3 615 585																																				
Họ tên người mua hàng:																																					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu S.A.P.B.A.B.I																																					
Mã số thuế: 0201072188																																					
Địa chỉ : Số 63/333B Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng																																					
Hình thức thanh toán: TM / CK	Số tài khoản:																																				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Số lượng</th> <th>Đơn giá</th> <th>Thành tiền</th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6=4x5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Cước phí vận chuyển (Kèm bảng kê chi tiết)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>18.100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td>18.100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Thuế suất GTGT:</td> <td>10%</td> <td colspan="2">Tiền thuế GTGT:</td> <td>1.810.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td>19.910.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6=4x5		Cước phí vận chuyển (Kèm bảng kê chi tiết)				18.100.000	Cộng tiền hàng:					18.100.000	Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		1.810.000	Tổng cộng tiền thanh toán:					19.910.000	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																
1	2	3	4	5	6=4x5																																
	Cước phí vận chuyển (Kèm bảng kê chi tiết)				18.100.000																																
Cộng tiền hàng:					18.100.000																																
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		1.810.000																																
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.910.000																																
<i>Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng ./.</i>																																					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																			
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																																					

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.2: Bảng kê cước vận chuyển số 352**BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN
Số 352***(Kèm theo hóa đơn số: 0000352 ngày 17 tháng 12 năm 2016)***Bên thuê vận chuyển: Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu S.A.P.B.A.B.I***Địa chỉ: Số 63/333B Văn Cao, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.*

MST: 0201072188

Bên thuê vận chuyển: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D*Địa Chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng.*

MST: 0201067942

STT	NGÀY	SỐ LƯỢNG		TUYẾN ĐƯỜNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
		ĐVT	SL				
1	08/12/16	Chuyến	01	HP – HCM	18,100,000	18,100,000	
CỘNG						18,100,000	
VAT 10%						1,810,000	
TỔNG CỘNG						19,910,000	

*Bằng chữ: Mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng ./.**(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)*

Biểu số 2.3 : Phiếu thu số 335Đơn vị: **CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D**Mẫu số: **01- TT**Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU THU**

Quyển số:

Ngày 17 tháng 12 năm 2016

Số: 335

Nợ 1111 : 19.910.000

Có 511 : 18.100.000

Có 3331 : 1.810.000

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH TM Xuất Nhập Khẩu S.A.P.B.A.B.I

Địa chỉ: Số 63/333B Văn Cao, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Lý do thu: Thanh toán cước vận chuyển tháng 12

Số tiền: 19.910.000 VND

Viết bằng chữ: Mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng ./.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc: Hóa đơn GTGT 0000352

Ngày 17 tháng 12 năm

2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng ./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

An, HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐGS Cái	STT đồng	SH TK ĐU	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
01/12	HĐ0004255	01/12	Cước dịch vụ thông tin di động tháng 11			6422 1331 111	186,943 18,694	205,637
01/12	HĐ0177188	01/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 1331 111	4,403,200 440,320	4,843,520
02/12	HĐ0000791	02/12	Xăng RON 92			154 1331 111	639,918 63,992	703,910
02/12	HĐ0177281	02/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 1331 111	4,256,320 425,632	4,681,952
							
17/12	HĐ0000352	17/12	Doanh thu cước vận chuyển công ty XNK S.A.P.B.A.B.I			111 511 3331	19,910,000	18,100,000 1,810,000
17/12	HĐ0000354	17/12	TT theo hợp đồng thi công số: 07/2016/HĐTC/H G-3D			131 511 3331	570,000,000	518,181,818 51,818,182
18/12	HĐ0000394	18/12	Cước vận chuyển hàng hóa Tân Đại Phát			154 1331 111	7,211,200 721,120	7,932,320
19/12	HĐ0000361	19/12	DT tiền thuê xe theo HĐ số: 17/2016/TV-3D			131 511 3331	37,400,000	34,000,000 3,400,000
...
			Cộng phát sinh				442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.5: Trích Sổ cái TK 511 năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Trảng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số hiệu: 511

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
15/12	HĐ0000349	15/12	DT tiền thuê xe theo HĐ số: 15/2016/TV-3D	131		93,409,091
15/12	HĐ0000350	15/12	DT cước phí chuyển phát cty Linh Huy	111		15,000,000
17/12	HĐ0000352	17/12	Doanh thu cước vận chuyển công ty XNK S.A.P.B.A.B.I	111		18,100,000
17/12	HĐ0000354	17/12	Thanh toán theo hợp đồng thi công số: 07/2016/HĐTC/HG-3D	131		518,181,818
17/12	HĐ0000355	17/12	DT bán linh kiện điện tử công ty TNHH Thành Thắng	111		18,000,000
19/12	HĐ0000356	19/12	DT tiền thuê xe theo HĐ số: 16/2016/TV-3D	131		45,272,727
20/12	HĐ0000357	20/12	DT tiền thuê xe theo HĐ số: 21/2016/TV-3D	131		35,454,545
20/12	HĐ0000359	20/12	Thanh toán theo hợp đồng thi công số: 08/2016/HĐTC/HG-3D	131		618,816,364
...
			Cộng phát sinh		47,803,990,738	47,803,990,738
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Công ty trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP thương mại và dịch vụ 3D

❖ Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty CP thương mại và dịch vụ 3D

- Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối đơn giản, không trải qua nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất.

- Giá vốn hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Giá vốn dịch vụ, hàng hóa xuất kho là giá thực tế phát sinh đã bao gồm toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến quá trình vận chuyển, thu mua hàng hóa như: chi phí xăng dầu, bốc xếp, lắp đặt chạy thử, lương lái xe,...

- Trong kì, kế toán tập hợp tất cả các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển, thu mua hàng hóa vào tài khoản 154, định khoản:

Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (giá mua chưa có thuế)

Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

➤ Cuối tháng, cuối kỳ kế toán thực hiện kết chuyển:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
để xác định giá vốn của dịch vụ.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Bảng lương
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng

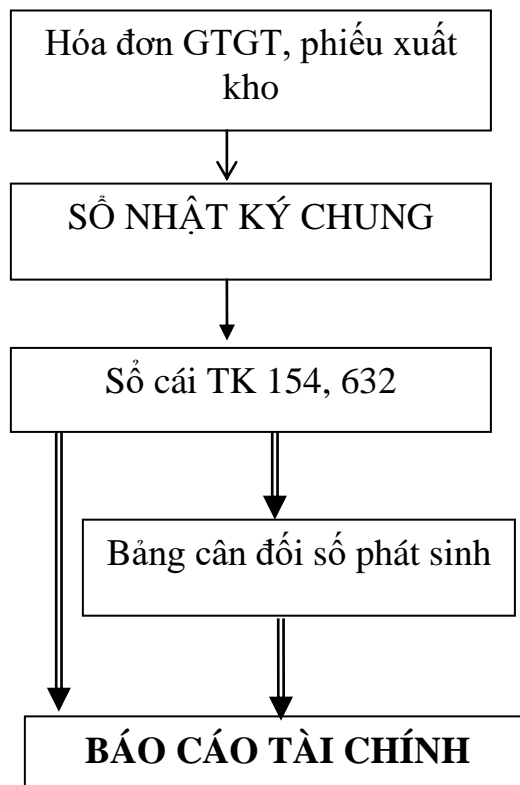
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 154
- Sổ cái TK 632
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

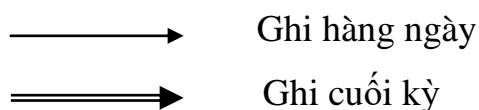
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

❖ **Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D**

Sơ đồ 2.2: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:



❖ **Quy trình hạch toán**

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ Nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 632, 154,...

Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 154 rồi lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

VÍ DỤ 2.2: (Tiếp tục ví dụ 2.1): Ngày 13/12/2017 Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ 3D nhận vận chuyển 01 lô hàng hóa từ Hải Phòng vào Tp. Hồ Chí Minh cho công ty TNHH TM Xuất Nhập Khẩu S.A.P.B.A.B.I và phải thuê bên thứ ba là Công ty TNHH Thương Mại & Vận Tải Đức Hoàng Phúc.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 000409 (biểu số 2.6), Phiếu chi số 329 (biểu số 2.7) và các chứng từ khác có liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 154 : 17.500.000

Nợ TK 1331 : 1.750.000

Có TK 111 : 19.250.000

Khi thực hiện vận chuyển xong, kế toán ghi nhận:

Nợ TK 632 : 19.250.000

Có TK 154 : 19.250.000

Cuối tháng, cuối kỳ, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh sẽ được tập hợp rồi kết chuyển vào tài khoản 632 ở phiếu kế toán (biểu mẫu số 2.8) để xác định giá vốn.

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9), từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 154 (biểu số 2.10), sổ Cái TK 632 (biểu số 2.11), sổ Cái TK 133, sổ Cái TK 111.

Từ sổ Cái các tài khoản được sử dụng và lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.6: Hóa đơn GTGT số 000409

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/15P			
Liên 2: Giao người mua		Số: 0000409			
<i>Ngày 03 tháng 12 năm 2016</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ĐỨC HOÀNG PHÚC					
Mã số Thuế	: 0200912885				
Địa chỉ	: Số 66 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, VN				
Số tài khoản	:				
Điện thoại	:				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D					
Mã số thuế: 0201067942					
Địa chỉ : Số 18 KDC Cát Bi, P. Tràng Cát, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, VN					
Hình thức thanh toán: TM / CK		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước phí vận chuyển hàng hóa Hải Phòng – Tp.Hồ Chí Minh	Chuyến	01	17.500.000	17.500.000
Cộng tiền hàng:					17.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.750.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.250.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng ./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.7: Phiếu chi số 319

Đơn vị: **CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D**

Mẫu số: 01- TT

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 03 tháng 12 năm 2016

Quyển số:
Số: 319
Nợ 154 : 17.500.000
Nợ 1331: 1.750.000
Có 111: 19.250.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Lương Thiện

Địa chỉ: Công ty CP TM & DV 3D

Lý do chi: Thanh toán tiền cước vận chuyển theo hóa đơn số 000409

Số tiền: **19.250.000** (viết bằng chữ): Mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 03 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng	nhận tiền	phiếu	(Ký, họ tên)
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Cuối tháng, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh sẽ được tập hợp rồi kết chuyển vào tài khoản 632.

Biểu số 2.8: Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D**

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Số: 55

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...
23	Kết chuyển chi phí kinh doanh dở dang HD000409	632	154	19.250.000
...
30	Kết chuyển chi phí kinh doanh dở dang HD0000303	632	154	14.000.000
...
	Cộng			11,249,724,772

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Cát, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT đồng	TKđôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...
02/12	HĐ0000791	02/12	Mua xăng RON 92			154 133 111	639,918 63,992	703,910
03/12	HĐ000409	03/12	Cước vận chuyển hàng hóa cty Đức Hoàng Phúc			154 133 111	17.500.000 1.750.000	19.250.000
04/12	HĐ0177488	04/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 133 111	3,624,727 362,473	3,987,200
05/12	HĐ0177546	05/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 133 111	2,632,000 263,200	2,895,200
05/12	HĐ0914020	05/12	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11			6422 1331 1221	251,022 25.102	276,124
...
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí SXKDDD T12 sang giá vốn			632 154	11,249,724,772	11,249,724,772
...
TỔNG CỘNG							442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.10: Trích Sổ cái TK 154 năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Số hiệu: 154

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
02/12	HĐ0000791	02/12	Xăng RON 92	111	639,918	
03/12	HĐ000409	03/12	Cước vận chuyển hàng hóa cty Đức Hoàng Phúc	111	19.250.000	
04/12	HĐ0177488	05/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines	111	3,624,727	
06/12	HĐ0177656	06/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines	111	4,774,720	
07/12	HĐ0177769	07/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines	111	4,239,040	
08/12	HĐ0000495	08/12	Cước vận chuyển hàng hóa Đức Hoàng Phúc	111	7,461,760	
10/12	HĐ0000325	10/12	Thanh toán tiền vận chuyển giao nhận theo hợp đồng 2610/HĐKT	331	500,000,000	
...
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí SXKDDD T12 sang giá vốn	632		11,249,724,772
					
			Cộng phát sinh		46,419,755,289	46,419,755,289
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.11: Trích Sổ cái TK 632 năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: **Giá vốn hàng bán**

Số hiệu: 632

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
31/01	PKT03	31/01	Kết chuyển chi phí SXKDD T01/2016 sang giá vốn	154	3,684,625,543	
29/02	PKT08	29/02	Kết chuyển chi phí SXKDD T02/2016 sang giá vốn	154	3,013,215,695	
31/03	PKT12	31/03	Kết chuyển chi phí SXKDD T03/2016 sang giá vốn	154	3,344,069,710	
30/04	PKT21	30/04	Kết chuyển chi phí SXKDD T04/2016 sang giá vốn	154	2,662,577,255	
...
31/11	PKT48	31/11	Kết chuyển chi phí SXKDDD T11/2016 sang giá vốn	154	2,517,764,629	
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí SXKDDD T12 sang giá vốn	154	11,249,724,772	
			Cộng phát sinh		46,419,755,289	46,419,755,289
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh trong công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ tại doanh chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. *Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm:*

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuê môn bài....

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi (mẫu số 02TT-BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và tính theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sổ sách sử dụng*

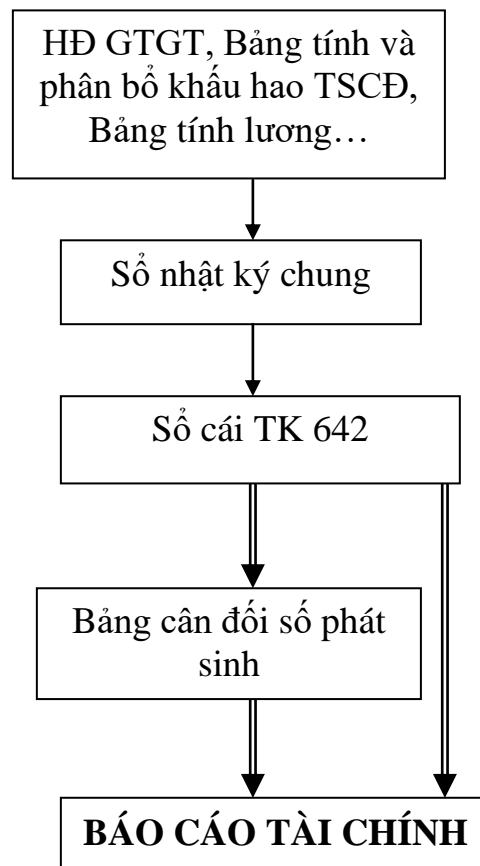
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

❖ *Tài khoản sử dụng*

Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng tài khoản chi tiết của TK 642 là:

TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh*

Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**Chú thích:**Ghi hàng ngày: \longrightarrow Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ tiền lương, phân bổ khấu hao TSCĐ,... kê toán tiền hàng lập phiếu chi, tùy vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kê toán. Từ các dữ liệu trên kê toán vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để kê toán vào Sổ cái TK 642

- Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kê toán cộng số liệu trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh kê toán căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan để hạch toán:

Nợ TK 6422:

Nợ TK 133 (nếu có):

Có TK 111, 112, 334, 214,...

❖ *Ví dụ minh họa*

VÍ DỤ 2.3: Ngày 01/12/2106 thanh toán cước di động tháng 11, tổng số tiền thanh toán là 205,637 VNĐ (thuế GTGT 10%).

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 004255 (biểu số 2.12), phiếu chi (biểu số 2.13) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 6422: 186.943

Nợ TK 133 : 18.694

Có TK 1111: 205.637

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.14), từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái TK 642 (biểu số 2.15), sổ Cái TK 133, sổ Cái TK 111.

Từ sổ Cái các tài khoản được sử dụng và lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT số 0004255



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: **01GTKT0/001**
 Ký hiệu (Serial No): **AA/14E**
 Số (No): **0004255**

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch Vụ Khách Hàng
 Mã số thuế: 0200287977-022
 Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Tên khách hàng (Customer's name): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D
 Địa chỉ (Address): Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP
 Số thuê bao (Subscriber Number): 0313. 615.586 Mã số (Code): HCMDD13901881
 Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK
 MST:0311937067

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
1	2	3	4	5	6=4X5
1	Kỳ cước tháng: 11/2016 a.Cước dịch vụ viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu + Đa dịch vụ d.Khuyến mại e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				186.943 0 0 0 0
	(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1)				186.943
	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):				18.694
	(1+ 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):				205.637

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm linh lăm nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng ./.

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch
 (Signature of dealing staff)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 315

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số: 01- TT

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm

2016

Quyển số:

Số: 315

Nợ 6422: 186,943

Nợ 133: 18,694

Có 1111: 205,637

Họ và tên người nhận tiền: Cô Thị Hằng

Địa chỉ: Công ty CP TM & DV 3D

Lý do chi: Thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại tháng 11/2016

Số tiền: 205.637 (viết bằng chữ): Hai trăm linh lăm nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên,	trưởng	nhận tiền	phiếu	(Ký, họ tên)
đóng dấu)	(Ký, họ	(Ký, họ	(Ký, họ tên)	
	tên)	tên)		

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...
01/12	HĐ0004255	02/12	Cước dịch vụ thông tin di động			6422 133 111	186,943 18,694	205,637
01/12	HĐ0177188	03/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 133 111	4,403,200 440,320	4,483,520
02/12	HĐ000791	02/12	Xăng RON 92			154 1331 111	639,918 63,992	703,910
02/12	HĐ0177281	02/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 1331 111	4,256,320 425,632	4,681,952
...
17/02	HĐ0000353	17/12	Doanh thu bán linh kiện điện tử công ty Tân Đại Phát			131 511 3331	550,000,000	500,000,000 50,000,000
19/02	HĐ0000354	19/02	TT theo hợp đồng thi công số: 07/2016/HĐTC/HG-3D			131 511 3331	570,000,000	518,181,818 51,818,182
...
CỘNG SỐ PHÁT SINH							442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 642 năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải An, HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
01/12	HĐ0004255		Cước dịch vụ thông tin di động T11/2016	111	186,943	
05/12	GBB0512		Ngân hàng thu phí	112	22,000	
10/12	GBN1012		Ngân hàng thu phí	112	55,000	
24/12	HĐ0002423		Thay dầu xe 15A-23742	111	789,000	
...
31/12	BLT12		Lương trả bộ phận văn phòng	334	20,000,000	
31/12	BTKHTSCĐ T12		Trích khấu hao ô tô	214	10,801,347	
...
			Cộng phát sinh		536,631,677	536,631,677
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

❖ Nội dung của Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính tại công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản lãi tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng

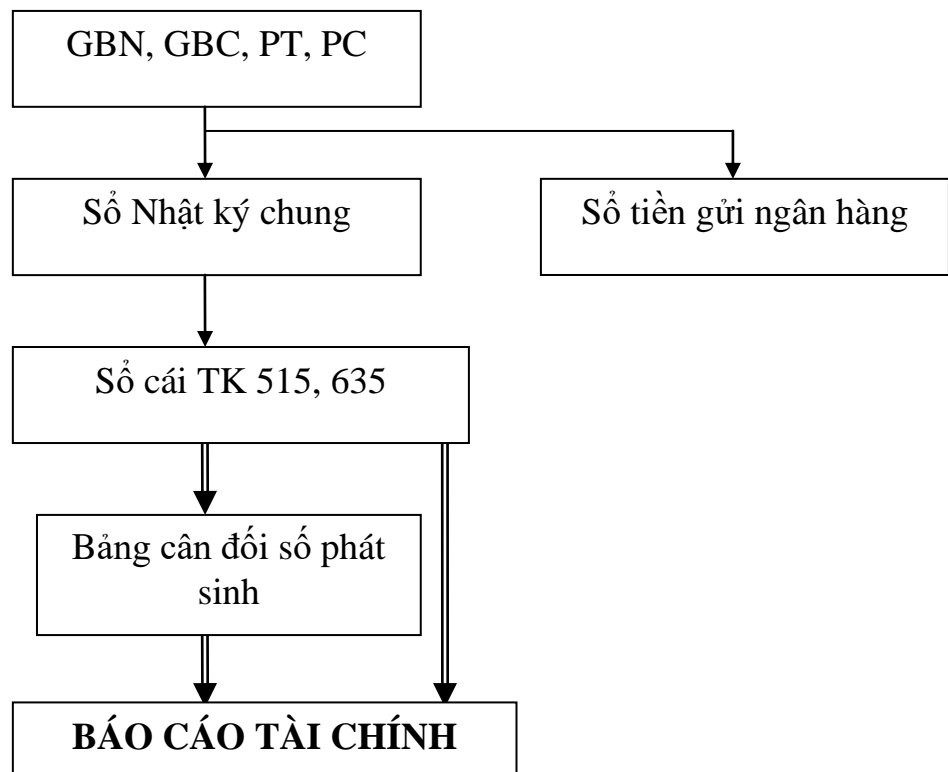
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515
- Sổ Cái TK 635

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

❖ Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú :

Ghi hàng ngày →
 Ghi theo tháng ==>

❖ Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ như: Giấy báo nợ, Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, Phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay,.. kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, 635.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

VÍ DỤ 2.4: Ngày 24/12/2016 công ty nhận được thông báo về lãi tiền gửi nhập vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu số tiền 232,727 VNĐ.

Căn cứ vào Giấy báo Có (biểu số 2.16) và các chứng từ kế toán có liên quan khác kế toán tiến hành định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 112 : 232,727
 Có TK 515 : 232,727

Từ bút toán trên kế toán ghi Sổ nhật ký chung (biểu số 2.18), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 515 (biểu số 2.19). Kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào Sổ theo dõi tiền gửi Ngân hàng tại ngân hàng ACB.

Cuối kỳ, từ sổ Cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 2.5: Ngày 12 tháng 12 phát sinh nghiệp vụ: Trả lãi tiền vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu số tiền 8.300.000.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.17) và các chứng từ có liên quan khác kế toán tiến hành định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 635 : 8,300,000

Có TK 112 : 8,300,000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.18), sau đó từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 635 (biểu số 2.20). Kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ ghi vào Sổ theo dõi tiền gửi Ngân hàng TK 112 tại Ngân hàng ACB

Cuối kỳ, từ sổ Cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16: Giấy báo Có của ngân hàng ACB

NGAN HANG TMCP A CHAU

GIAY BAO CO

Ma GDV: COMPUTER

Chi nhanh: ACB – PGD TD PLAZA

Ngày: 24-12-2016

Ma KH: 828522

So GD:

Kinh gọi: CTY CP TM VA DV 3D

Ma so thue: 0201067942

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

So tài khoản ghi CO: 99998879

Số tiền bằng số: 232,727 VND

Số tiền bằng chữ: HAI TRAM BA MUOI HAI NGHIN BAY TRAM HAI MUOI BAY DONG ./.

Nội dung: ## LAI NHAP VON ##

Giao dịch viên**Kiểm soát viên***(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)***Biểu số 2.17: Giấy báo nợ ngân hàng ACB**

NGAN HANG TMCP A CHAU

GIAY BAO NO

Ma GDV: COMPUTER

Chi nhanh: ACB – PGD TD PLAZA

Ngày: 12-12-2016

Ma KH: 828522

So GD:

Kinh gọi: CTY CP TM VA DV 3D

Ma so thue: 0201067942

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NO: 99998879

Số tiền bằng số: 8.300.000 VND

Số tiền bằng chữ: TAM TRIEU, BA TRAM NGHIN DONG ./.
TRA TIEN LAI VAY

Nội dung:

Giao dịch viên**Kiểm soát viên***(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)*

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

**Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,
Hải An, HP**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
12/12	GBN1212	12/12	Trả lãi vay NH ACB			635 112	8,300,000	8,300,000
13/12	HĐ0178364	18/01	Cước phí vận chuyển VietnamAirlines			154 133 111	3,979,840 397,984	4,377,824
13/12	GBC1312	25/01	Cty TAD TECH VINA thanh toán cước vận chuyển T11/2016			112 131	270,250,000	270,250,000
13/12	GBN1312	25/01	Rút tiền gửi về nhập quỹ			112 111	120,000,000	120,000,000
...					
24/12	GBC2412	24/12	Lãi TK ngân hàng			112 515	232,727	232,727
24/12	HĐ0000329	25/12	Chi phí thuê xe			154 133 331	63,760,000 6,376,000	70,136,000
26/12	HĐ0000372	26/12	DT cước phí vận chuyển cty Thanh Hoa			111 511 3331	2,187,300 218,730	2,406,030
26/12	HĐ0000373	26/12	DT tiền thuê xe theo HĐ số: 20/2016/TV- 3D			131 511 3331	120,000,000 12,000,000	132,000,000
...
CỘNG SỐ PHÁT SINH							442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 515

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

**Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,
Hải An, HP**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01	GBC2501	25/01	Lãi TK ngân hàng	1121		3.533
28/02	GBC2802	28/02	Lãi TK ngân hàng	1121		19.850
30/03	GBC3003	30/03	Lãi TK ngân hàng	1121		51.438
...
25/11	GBC2511	25/11	Lãi TK ngân hàng	1121		35.691
...
24/12	GBC2412	24/12	Lãi TK ngân hàng	1121		232,727
..
31/12	PKT212	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	3,670,539	
			Cộng phát sinh		3,670,539	3,670,539
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.20: Trích Sổ cái TK 635

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

**Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,
Hải An, HP**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01	GBN2501	25/01	Trả lãi vay ngân hàng SHB	1121	6,027,778	
28/02	GBN0202	28/02	Trả lãi vay ngân hàng SHB	1121	1,555,556	
25/03	GBN2503	25/03	Trả lãi vay ngân hàng SHB	1121	3,111,111	
...	
12/10	GBN1210	12/10	Trả lãi vay ngân hàng ACB	1121	8,300,000	
...	
12/11	GBN1211	12/11	Trả lãi vay ngân hàng ACB	1121	8,576,667	
..
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		99,812,594
			Cộng phát sinh		99,812,594	99,812,594
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

❖ Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP TM Và DV 3D

Trong năm 2016, thu nhập khác và chi phí khác của công ty chủ yếu phát sinh trong hoạt động thanh lý TSCĐ.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Giấy báo có Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng

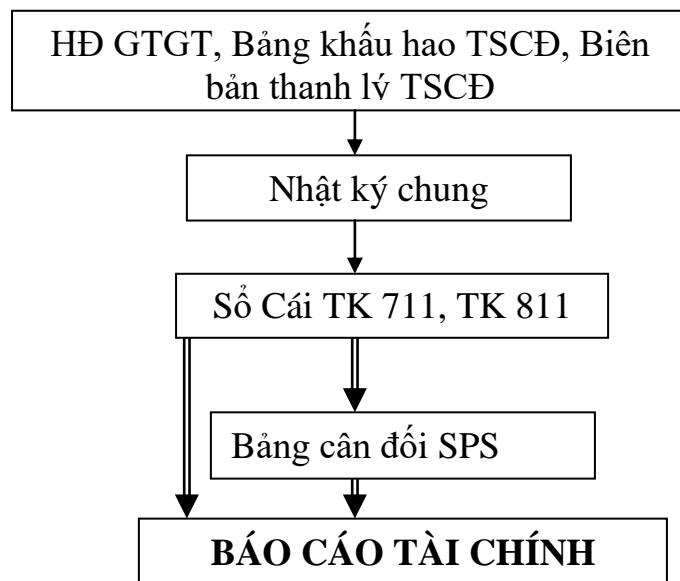
- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái TK 711
- Sổ Cái TK 811

❖ Tài khoản sử dụng

- 711 – Thu nhập khác
- 811 – Chi phí khác

❖ Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi theo tháng ⇒

❖ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Bảng khấu hao TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ và các chứng từ khác có liên quan đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 711, TK811.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Từ Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

VÍ DỤ 2.7: Ngày 25/07/2016 thanh lý ô tô KIA BKS 15A - 112.85, giá trị hao mòn là 95,577,769. Giá trị còn lại là 373,622,231.

Căn cứ Biên bản thanh lý TSCĐ (biểu mẫu số 2.21) và các chứng từ khác có liên quan kế toán tiến hành định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 214 : 95,577,769

Nợ TK 811 : 373,622,231

Có TK 211 : 469,200,000

Từ bút toán trên, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23), sau đó từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 811 (biểu số 2.25), Sổ cái TK 211, Sổ cái TK 214.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 2.8: (Tiếp tục ví dụ 2.7) Ngày 25/07/2016 thanh lý ô tô KIA BKS 15A - 112.85 với giá bán là 105.000.000đ (VAT 10%) cho Công Ty TNHH Môi Trường Imtraco, chưa thanh toán.

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0000962 (biểu số 2.22) và các chứng từ khác có liên quan kế toán kế toán tiến hành định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 131 : 105,000,000

Có TK 711 : 95,454,545

Có TK 3331 : 9,545,455

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (biểu số 2.23), sau đó từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 711 (biểu số 2.24), Sổ cái và sổ chi tiết TK 131 để theo dõi chi tiết công nợ phải thu khách hàng.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập Bảng cân đối phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu mẫu số 2.21: Biên bản thanh lý TSCĐ

Đơn vị: Công ty CP TM Và DV 3D

Mẫu số: 02 – TSCĐ

Địa chỉ: Số 18 Khu dân cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 25 tháng 07 năm 2016

Số: 2507

Nợ: 214, 811

Có: 211

Căn cứ biên bản ngày 25 tháng 07 năm 2016 của hội đồng các thành viên công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ 3D về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý gồm:

Ông: Hoàng Minh Đặng

Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: Vũ Thị Yến

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Cố Thị Hằng

Chức vụ: Kế toán

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên: Xe KIA
- Nước sản xuất: Hàn Quốc
- Năm sản xuất: 2012
- Năm đưa vào sử dụng: 2014
- Nguyên giá TSCĐ: 469,200,000 đồng
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 95,577,769 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 373,622,231 đồng

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Chấp nhận thanh lý

Ngày 25 tháng 07 năm 2016

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

- Giá trị thu hồi: 105,000,000 đồng (viết bằng chữ): Một trăm linh lăm triệu đồng
- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 25 tháng 07 năm 2016

Ngày 25 tháng 07 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.22: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000962

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/15P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000962			
Ngày 25 tháng 07 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D					
Mã số Thuế	: 0201067942				
Địa chỉ	: Số 18 Khu dân cư Cát Bi, P. Tràng Cát, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, VN				
Số tài khoản:	99998879 tại ACB Thái Phiên – HP*14022805849017 tại Techcombank Văn Cao – HP				
Điện thoại	: 031.3 615 586 – Fax: 031.3 615 585				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG IMTRACO					
Mã số thuế: 0201721724					
Địa chỉ : Số 5/54 Đàng Giang, Phường Đàng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán: TM / CK		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Xe ô tô nhãn hiệu: KIA Sản xuất năm 2010 (đã qua sử dụng). Biển số: 15A-112-85 Số máy: G4FCAH365999 Số khung: 411AAA203695 Loại xe: 05 chỗ Màu sơn: Ghi	Chiếc	01	95,454,545	95,454,545
Cộng tiền hàng:					95,454,545
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9,545,455
Tổng cộng tiền thanh toán:					105,000,000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh lăm triệu đồng ./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...
25/07	BBTL TSCD 2507	25/07	Thanh lý ô tô KIA BKS 15A - 112.85			214 811 211	95,577,769 373,622,231	469,200,000
25/07	HĐ0000962	25/07	Thanh lý ô tô KIA BKS 15A - 112.85			131 711 3331	105,000,000	95,454,545 9,545,455
...
02/12	HĐ0177281	02/12	Cước vận chuyển hàng hóa VietnamAirlines			154 1331 111	4,256,320 425,632	4,681,952
							
17/12	HĐ0000352	17/12	Doanh thu cước vận chuyển cty S.A.P.B.A.B.I			111 511 3331	19,910,000	18,100,000 1,810,000
17/12	HĐ0000353	17/12	Doanh thu bán linh kiện điện tử công ty Tân Đại Phát			131 511 3331	500,000,000	500,000,000 50,000,000
...
CỘNG SỐ PHÁT SINH							442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.24: Trích Sổ cái TK 711 năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

**Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,
Hải An, HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/03	HĐ0000635	02/03	Thu tiền thanh lý xe ô tô theo hợp đồng 0203/2016 HĐMB biên số: 15C-033.15	111		18,090,909
25/07	HĐ0000962	25/07	Thanh lý xe ô tô KIA BKS 15A-112.85	131		95,454,545
31/12	PKT58	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	113,545,454	
			Cộng phát sinh		113,545,454	113,545,454
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.25: Trích Sổ cái TK 811

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/03	HĐ0000635	02/03	Thanh lý xe ô tô tải Biển số: 15C-033.15	211	153,333,329	
25/07	HĐ0000962	25/07	Thanh lý xe ô tô KIA , biển số 15A-112.85	211	373,622,231	
...
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	557,917,140	
...
			Cộng phát sinh		557,917,140	557,917,140
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Nội dung xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho các đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng,... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính năm.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

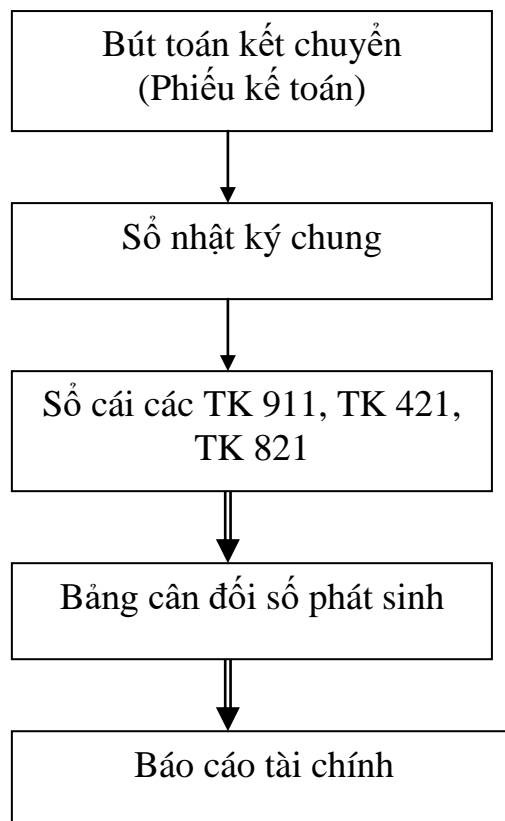
❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642, TK 711, TK811, TK821.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: TK 511, TK 515, TK 632, TK635, TK641, TK642, TK 711, TK 811, TK821.

❖ Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Sơ đồ số 2.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày	→
Ghi theo tháng	⇒
Quan hệ đối chiếu	↔

❖ Trình tự hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái các tài khoản: TK 911, TK 821, TK 421.

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 56

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	47,803,990,738
	Cộng			47,803,990,738

Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, tám trăm linh ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 57

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3,670,539
	Cộng			3,670,539

Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 58

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển phải thu khác	711	911	113,545,454
	Cộng			113,545,454

Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 59

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	46,419,755,289
	Cộng			46,419,755,289

Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 60

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	536,631,677
	Cộng			536,631,677

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)*

*Người lập biểu
(Ký, họ tên)*

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 61

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	99,812,594
	Cộng			99,812,594

Bằng chữ: Chín mươi chín triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm chín mươi đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)*

*Người lập biểu
(Ký, họ tên)*

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 62

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	557,917,140
	Cộng			557,917,140

Bằng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.33: Phiếu kế toán

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 63

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	61,418,006
	Cộng			61,418,006

Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, bốn trăm mười tám nghìn, không trăm linh sáu đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.34: Phiếu kế toán**Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D****Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 64

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	61,418,006
	Cộng			61,418,006

Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, bốn trăm mười tám nghìn, không trăm linh sáu đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.35: Phiếu kế toán**Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D****Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu 65

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	245,672,025
	Cộng			245,672,025

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.36: Sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải An, HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐGS C	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
31/12	PKT56	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511 911	47,803,990,738	47,803,990,738
31/12	PKT57	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515 911	3,670,539	3,670,539
31/12	PKT58	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711 911	113,545,454	113,545,454
31/12	PKT59	31/12	Kết chuyển GVHB			911 632	46,419,755,289	93.018.365.203
31/12	PKT60	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý			911 642	536,631,677	536,631,677
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911 635	99,812,594	99,812,594
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển chi phí khác			911 811	557,917,140	557,917,140
31/12	PKT63	31/12	Xác định thuế TNDN			821 3334	61,418,006	61,418,006
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển thuế TNDN			911 821	61,418,006	61,418,006
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển Lãi			911 421	245,672,025	245,672,025
TỔNG CỘNG							442,974,461,046	442,974,461,046

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.37: Sổ Cái TK 911

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát,
Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: **Xác định kết quả kinh doanh**

Số hiệu: **911**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT56	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		47,803,990,738
31/12	PKT57	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		3,670,539
31/12	PKT58	31/12	Kết chuyển phải thu khác	711		113,545,454
31/12	PKT59	31/12	Kết chuyển GVHB	632	46,419,755,289	
31/12	PKT60	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	642	536,631,677	
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	99,812,594	
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	557,917,140	
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	61,418,006	
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển Lãi	421	245,672,025	
			Cộng phát sinh		47,921,206,731	47,921,206,731
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.38: Sổ Cái TK 821

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	PKT 63	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	61,418,006	
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		61,418,006
...
			Cộng phát sinh		61,418,006	61,418,006
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.39: Sổ Cái TK 421

Đơn vị: CÔNG TY CP TM VÀ DỊCH VỤ 3D

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Lãi chưa phân phối

Số hiệu: 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			324,695,338
25/07	PKT37	25/07	Phạt thuế GTGT	3331	3,398,082	
25/7	PKT38	25/07	Phạt thuế TNDN	3334	58,574,343	
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển Lãi	911		245,672,025
			Cộng phát sinh		61,972,425	245,672,025
			Số dư cuối kỳ			508,394,938

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

Biểu số 2.40 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2016

Mã số thuế: **0201067942**

Người nộp thuế: **Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D**

Đơn vị tiền: **Đồng Việt Nam**

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	47,803,990,738	56,995,455,552
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		47,803,990,738	56,995,455,552
4	Giá vốn hàng bán	11		46,419,755,289	56,018,312,797
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,384,235,449	977,142,755
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,670,539	3,459,563
7	Chi phí tài chính	22		99,812,594	55,285,156
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	55,285,156
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		536,631,677	280,953,367
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		751,461,717	644,363,795
10	Thu nhập khác	31		113,545,454	0
11	Chi phí khác	32		557,917,140	355,975,124
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(444,371,686)	(355,975,124)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	307,090,031	288,388,671
14	Chi phí thuế TNDN	51		61,418,006	63,445,508
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		245,672,025	224,943,163

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng Kế toán công ty)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 3D

3.1 Những đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, với mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được gần 07 năm, nhưng nay Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín trong ngành vận tải. Trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng, luôn được củng cố, hoàn thiện và đã trở thành một công cụ đắc lực trong quản lý và hạch toán của Công ty. Hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mà mình quản lý.

Qua thời gian thực tập ở Công ty, được sự giúp đỡ của các anh chị phòng kế toán và sự hướng dẫn chỉ bảo của Thạc sỹ Phạm Thị Kim Oanh em đã hoàn thành công việc nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.

Em hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

3.1.1 Những ưu điểm

Trong quá trình thực tập tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thấy bộ máy tổ chức quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình.

3.1.1.1 Về tổ chức quản lý kinh doanh

a. Về tổ chức bộ máy quản lý

Với bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình cơ cấu trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban .Với đội ngũ quản lý, nhân sự làm việc nhiệt tình

hết mình, trung thực, sáng tạo giúp cho lãnh đạo Công ty có quyết định chính xác, kịp thời khi có những vấn đề khó khăn trong kinh doanh, tránh được tình trạng tiêu cực trong quản lý. Hàng ngày, khi nhận được chứng từ, sau khi kiểm tra độ chính xác của chứng từ, kế toán ghi sổ và khi cần có thể kiểm tra bất cứ lúc nào nhà quản trị yêu cầu, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của nhà lãnh đạo là nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

b. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán thực hiện một cách hiệu quả. Trong Công ty có sự phân chia công việc và phối hợp nhịp nhàng, khả năng của đội ngũ chuyên môn được khai thác triệt để giảm nhẹ khối lượng công việc ghi sổ kế toán, các nhân viên trong phòng kế toán được bố trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng của từng người. Hệ thống kế toán của Công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung - là một phương pháp đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng, rất phù hợp đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

d. Về sử dụng và luân chuyển chứng từ

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của Công ty hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

3.1.1.2 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1.2.1 Về công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều

được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

3.1.1.2.2 Về công tác kế toán chi phí

Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Qua đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động của chi phí từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

3.1.1.2.3 Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

Qua thực tế cho thấy, công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở Công ty đã đảm bảo được đúng yêu cầu thống nhất phạm vi tính toán chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan cũng như nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác, trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý ở Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm của mình thì công tác quản lý của Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D còn bộc lộ một số hạn chế sau:

3.1.2 Những hạn chế

3.1.2.1 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ

Trong quá trình tiêu thụ Công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

3.1.2.2 Về công tác quản lý chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai không chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên qua tìm hiểu, quan sát tại công ty em nhận thấy công ty đã chưa

quản lý tốt các khoản mục chi phí, cụ thể chi phí của công ty tương đối lớn.

3.1.2.3 Về việc hạch toán doanh thu

Kế toán công ty chưa tiến hành hạch toán chi tiết doanh thu từng hoạt động kinh doanh để tiện theo dõi, xác định doanh thu một cách chính xác, mà chỉ tập hợp doanh thu của tất cả các hoạt động vào tài khoản 511.

3.1.2.4 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Do đó khối lượng công việc mà mỗi kế toán viên đảm nhận khá nhiều, gây sức ép và khó khăn mỗi khi tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

3.2.2.1 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết

khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

* *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Với các biện pháp khuyến mãi này công ty có thể không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.1.2.2 Về công tác quản lý chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp này sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiết kiệm chi phí là làm giảm lượng tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm, tăng khối lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất ra và giảm giá thành của hàng đã cung cấp.

Để thực hiện tiết kiệm chi phí, em xin đưa ra một số biện pháp như sau:

- Công ty cần phải cắt giảm chi phí giao nhận vận tải, bảo hiểm, dự trữ bảo quản hàng hóa, chi phí làm các thủ tục trong mua bán, các chi phí cho dịch vụ mua ngoài.

- Trước hết, Công ty cần có những giải pháp giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại, chi phí xăng dầu,... tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc họp. Ngoài ra, Công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện. Cuối năm có những chính sách khen thưởng, xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

3.2.3.3 Về việc hạch toán chi tiết doanh thu

❖ Hoàn thiện hệ thống sổ sách - lập sổ chi tiết doanh thu

Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết doanh thu” chi tiết theo từng loại hoạt động. Việc theo dõi theo từng hoạt động là việc rất cần thiết, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt doanh thu của mỗi hoạt động, từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả của từng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh việc lập

Sổ chi tiết doanh thu, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết doanh thu lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu với Sổ cái TK 511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại hoạt động kinh doanh.

Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi tiết giá vốn” cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn theo từng loại hoạt động.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu hoạt động vận tải

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Mẫu số: S17 – DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Năm 2016

Tên hoạt động: Hoạt động vận tải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu	Các khoản tính trừ	
SH	NT				Thuế	Khác (521...)
...
HĐ0000352	17/12	Doanh thu cước vận chuyển công ty XNK S.A.P.B.A.B.I	1111	18,100,000		
...
HĐ0000366	18/12	Doanh thu cước vận chuyển công ty Hoàng Phát	131	1,638,750		
...
		Cộng SPS		39,836,658,948		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết tài khoản

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Mẫu số: S20 – DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Tràng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm 2016

Tên hoạt động: Hoạt động vận tải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thành tiền
SH	NT			
...
PKT 45	17/12	Giá vốn dịch vụ vận chuyển cho công ty công ty XNK S.A.P.B.A.B.I	154	17.300.000
PKT 46	18/12	Giá vốn dịch vụ vận chuyển cho công ty Hoàng Phát	154	1.350.000
...
Cộng SPS				38,683,129,407

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

❖ Theo dõi kết quả kinh doanh cho từng hoạt động

Dựa vào sổ chi tiết doanh thu, sổ chi tiết giá vốn hàng bán và phân bổ chi phí quản lý kinh doanh, kế toán có thể xác định chính xác kết quả kinh doanh cho từng hoạt động. Việc phân bổ nên căn cứ theo tiêu thức doanh thu tiêu thụ của từng hoạt động, cụ thể như sau:

$$\text{Chi phí kinh doanh cho từng hoạt động} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ của từng hoạt động}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}} \times \text{Tổng chi phí}$$

VÍ DỤ 3.1: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh năm 2016 cho hoạt động vận tải và hoạt động thương mại theo doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau:

Doanh thu hoạt động vận tải: 39,836,658,948

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 47,803,990,738

Tổng chi phí quản lý kinh doanh: 536,631,677

$$\text{Chi phí QLDN phân bổ cho hoạt động vận tải} = \frac{39,836,658,948}{47,803,990,738} \times 536,631,677 = 447,193,064$$

Biểu 3.3: Sổ theo dõi kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D

Mẫu số: S24 – DNN

Địa chỉ: Số 18 Khu Dân Cư Cát Bi, Trảng Cát, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2016

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Chi phí quản lý kinh doanh	Lợi nhuận thuần từ HĐKD
	(1)	(2)	(3)	(4=1-2-3)
Hoạt động vận tải	39,836,658,948	38,683,129,407	447,193,064	706,336,477
Hoạt động thương mại	7,967,331,790	7,736,625,882	89,438,613	141,267,295
Tổng cộng	47,803,990,738	46,419,755,289	536,631,677	847,603,772

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

3.2.3.4 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

Ngày nay khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán. Theo em công ty nên áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty.

Công ty có thể tham khảo các giao diện phần mềm kế toán trên các thông tin trên mạng, hoặc tham khảo của các công ty trong cùng lĩnh vực. Dưới đây em xin đưa ra một số giao diện phần mềm công ty có thể tham khảo.

Phần mềm MISA là phần mềm cũng phù hợp với Công ty có đặc điểm là hoạt động trong lĩnh vực thương mại, phần mềm tiện lợi nhanh chóng, chính xác sẽ giúp cho kế toán của công ty tiết kiệm được nhân lực và chi phí.



Với những ý kiến đóng góp nhỏ bé của mình em rất mong có thể đóng góp vào công tác kế hoạch kinh doanh, phát triển của công ty, một phần nào giúp cho công ty đạt được những kết quả khả quan, lợi nhuận tăng lên và công ty ngày một phát triển.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường đổi mới tài chính luôn là tổng hoà các mối quan hệ kinh tế tài chính. Tài chính hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý, có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính, đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho quyết định kinh tế. Vì vậy công tác kế toán có vai trò đặc biệt không chỉ với hoạt động tài chính Nhà nước mà còn vô cùng cần thiết và quan trọng trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Vì vậy tổ chức công tác kế toán tại các cơ sở kinh doanh một cách khoa học, hợp lý, đúng chế độ tài chính kế toán do bộ tài chính ban hành sẽ đảm bảo phản ánh chính xác, trung thực, khách quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho các nhà quản lý kịp thời có các biện pháp khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm. Đồng thời cũng góp phần giúp cho doanh nghiệp thực hiện tốt các kế hoạch, phát huy các nguồn lực tài chính, tăng thu nhập.

Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung rất quan trọng trong công tác kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp nắm được tình hình chung của Công ty, giúp họ đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời.

Xuất phát từ ý nghĩ đó, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp nói chung.

Bằng cơ sở lý luận và tình hình thực tế tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D, em mong muốn góp phần nhỏ bé của mình cùng với doanh nghiệp nhằm đi đến những thành công hơn nữa trong tương lai.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Phạm Thị Kim Oanh cùng với các anh chị trong Công ty Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 3D đã hướng dẫn và cung cấp tư liệu giúp em hoàn thành báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Sinh viên

Hoàng Thị Quy